

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm

Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

Phần 8

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 22

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiết thứ hai của đoạn thứ hai “nhất sanh thành Phật” (thành Phật trong một đời) [trong sách Yếu Giải]:

“*Kinh vân: Di Đà Niết Bàn, Quán Âm tức bỏ Phật vị, hiệu Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, quốc danh Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, kỳ Phật diệt hậu, Đại Thế Chí Bồ Tát tức bỏ Phật vị, hiệu Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai*” (Kinh dạy: Đức Phật Di Đà nhập Niết Bàn, ngài Quán Âm liền kế tục thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, cõi nước tên Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, Đại Thế Chí Bồ Tát liền kế tục làm Phật, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai). Đoạn kinh này thuyết minh Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật thù thắng khôn sánh, không giống với các cõi Phật phương khác. Thông thường, các cõi Phật khác sau khi Phật diệt độ nói chung sẽ có một khoảng thời gian [không có Phật], thời gian ấy dài hay ngắn không giống nhau. Nói chung, sẽ giống như trong thế giới Sa Bà của chúng ta, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Bồ Xứ Bồ Tát nay đang ở trên trời Đâu Suất; thọ mạng trên cõi trời Đâu Suất hết rồi, Ngài mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này. Thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất rất dài. Chúng ta biết một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Một ngày trên trời Đạo Lợi bằng một trăm năm dưới trần, thọ mạng của Đạo Lợi Thiên là một ngàn năm. Dạ Ma Thiên nhiều gấp bội: Một ngày trên Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là hai ngàn năm. Trời Đâu Suất lại tăng gấp bội: Một ngày trên Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là bốn ngàn năm.

Chư vị cứ tính ra là biết ngay: Một ngày bằng bốn trăm năm, mỗi năm lại có ba trăm sáu mươi lăm ngày mà [thọ mạng] lại có đến bốn ngàn năm lận; vì thế, trong kinh Di Lạc Hạ Sanh nói: Đại khái nếu tính theo năm tháng trong nhân gian thì thọ mạng cõi trời Đâu Suất là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lạc Bồ Tát mới từ cõi trời Đâu Suất giáng sanh thị hiện thành Phật trong nhân gian. Đâu Suất Thiên là Tri Túc Thiên, là nơi cư trú của Bồ Xứ Bồ Tát. Vì vậy, nói thật ra, thời gian có Phật trong thế gian này của chúng ta rất ít, thời gian không có Phật rất dài. Quý vị thấy pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, phải năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lạc Bồ Tát mới giáng sanh; trong đêm tối dài đằng đặc ấy, chúng sanh đau khổ thay!

Thế nhưng, Phật, Bồ Tát hết sức từ bi, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Di Lặc Phật chưa xuất sanh, trong khoảng thời gian đó làm thế nào đây? Chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã ủy thác Địa Tạng Bồ Tát thay Phật giáo hóa chúng sanh. Sứ mạng của Địa Tạng Bồ Tát rất lớn, trong một thời gian dài đằng đẵng như vậy phải giúp đỡ chúng sanh khốn khổ, hoạn nạn. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới khác xa thế giới của mình: A Di Đà Phật thị hiện nhập bát Niết Bàn, Quán Âm Bồ Tát lập tức thị hiện thành Phật. Quán Âm Bồ Tát thành Phật, thế giới ấy không gọi là Cực Lạc nữa, mà đổi thành thế giới Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Quán Âm Bồ Tát có đức hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta tiên đoán sự kiện trong vô lượng kiếp sau. A Di Đà Phật vô lượng thọ, mà A Di Đà thành Phật đến nay mới chỉ mười kiếp; nói cách khác, Ngài mới thành Phật chưa lâu. Thế giới Cực Lạc hết sức thù thắng!

Quán Âm Bồ Tát thị hiện thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Sau khi lão nhân gia nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát lại thị hiện thành Phật tiếp theo liền. Lúc đó, chẳng gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát, mà gọi là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai. Thật đấy! Công đức bảo vương của Bồ Tát thù thắng khôn sánh, quý vị thấy Ngài tu tập, tích lũy công đức trong vô lượng kiếp lần vô lượng kiếp, thị hiện gương sáng cho chúng ta thấy. Có sao chúng ta không thể tích cực đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức? Tuy Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc tâm tánh đến mức cùng cực, Ngài vẫn vì hết thấy chúng sanh thị hiện tu đức, từ bi đến mức độ cùng cực; dạy dỗ chúng ta, làm gương cho chúng ta thấy. Nếu chúng ta không giác ngộ, chẳng thể lãnh hội, làm sao xứng đáng với Phật, Bồ Tát đã vì chúng ta thị hiện, diễn nói?

Đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải] là: *“Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo”* (Lại nữa, trong giáo pháp suốt một đời của đức Phật Thích Ca), ý nói Phật Thích Ca Mâu Ni bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, *“duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tắc mạt hậu Phổ Hiền Hạnh trung, thập đại nguyện vương, đạo quy Cực Lạc. Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng, tư chi, tư chi”* (chỉ riêng mình kinh Hoa Nghiêm giảng rõ cái lẽ viên mãn trong một đời, nhưng đến cuối cùng cái nhân viên mãn trong một đời lại nằm ngay trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Lại còn dùng những điều đó để khuyên lơn, khích lệ đại chúng đồng như biển trong thế giới Hoa Tạng. Hãy nghĩ đi, xét đi). Tôi đã từng nhiều lần thưa cùng các đồng học rồi, phải suy nghĩ kỹ càng, chúng ta không phải là thượng căn, không phải lợi căn, nói miễn cưỡng thì là căn tánh bậc trung. Nói thật ra, Phật, Bồ Tát gia trì thọ mạng cho tôi. Nếu tôi không có thọ mạng, có thể nói là cả một đời này tôi chẳng có thành tựu gì cả. Vì sao?

Khi xưa, tôi theo thầy Lý, thầy Lý đau lòng rất miệng khuyên tôi tu học pháp môn Tịnh Độ, thậm chí còn nói: *“Anh thấy từ xưa đến nay không ít tổ sư đại đức, đức hạnh, đạo đức, học vấn của các Ngài, chúng ta thực sự không thể sánh bằng”*. Đúng là như vậy! *“Chúng ta không thể viết ra sách Yếu Giải như Ngẫu Ích đại sư, cũng không thể viết bộ Sở Sao như Liên Trì đại sư. Họ là những bậc đại trí huệ, đại đức hạnh nhưng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ”*, thầy Lý nêu những thí dụ như vậy. *“Nếu pháp môn này không đúng, các vị tổ sư đại đức, đại thiện tri thức nhiều ngàn ấy đều đi làm đường”*, thầy Lý bảo: *“Chúng ta cũng làm một phen đâu có*

sao!” Nói những lời như vậy để khuyên tôi, tôi rất cảm kích, nhưng vẫn không chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng nơi pháp môn này. Tôi chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng học pháp môn này là vào năm Dân Quốc 60 (1971) khi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc. Lúc ấy tôi cũng thường ra ngoại quốc, vì vậy giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc cứ gián đoạn hoài, tôi nhớ phải giảng gián đoạn như vậy chừng đầu mười mấy năm mà chỉ mới giảng được một nửa kinh, vẫn chưa giảng hoàn tất. Hàn Quán Trưởng vắng sanh rồi mà kinh Hoa Nghiêm vẫn còn giảng dang dở.

Mỗi lần về lại Đài Loan, tôi lại tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm. Có một ngày tôi đột nhiên nghĩ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Do tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan là giảng đồng thời hai bản Bát Thập và Tứ Thập. Mỗi tuần giảng ba lần, hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Cả hai bản đều giảng nửa chừng rồi ngưng. Chú tâm tra cứu kinh, chú tâm xem đọc, thật là bất phàm! Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật. Thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Ngài phát nguyện gần như hoàn toàn giống với Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù và Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là học trò đặc ý của ngài Văn Thù. Nếu học trò đặc ý chẳng thể kế thừa nguyện vọng của thầy thì chẳng phải là đệ tử truyền pháp!

Lại xem kỹ: Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng, gặp được vị [thiện tri thức] đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân (bản Bát Thập Hoa Nghiêm ghi là Đức Vân, bản Tứ Thập dịch là Cát Tường Vân) dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Nay ta gọi phương thức mà bản thân tỳ-kheo Cát Tường Vân tu hành là Ban Châu tam-muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thiện tri thức đầu tiên mang ý nghĩa biểu pháp rất sâu, cổ nhân thường nói “*tiên nhập vi chủ*” (học pháp nào đầu tiên, pháp ấy là chủ). Pháp môn thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là niệm Phật, tiên nhập vi chủ mà! Lại xem đến cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba, tức vị cuối cùng, là Phổ Hiền Bồ Tát: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tôi hiểu rõ: Tỳ-kheo Cát Tường Vân khởi đầu, Phổ Hiền Bồ Tát kết thúc, từ đầu đến cuối Thiện Tài tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật! Lúc đó, tôi mới chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không còn nghi hoặc nữa, chẳng còn do dự nữa, tôi đã hiểu rõ rồi. Huống chi Văn Thù và Phổ Hiền khuyên dạy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, những hải chúng (đại chúng đông nhiều như biển cả) trong thế giới Hoa Tạng này, ai nấy đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta hãy nghĩ xem: Trang nghiêm đến mức độ nào?

Lại xem thấy Tỳ Lô Giá Na Như Lai (đều là thị hiện cho chúng ta thấy), Tỳ Lô Giá Na Như Lai hoan hỷ, không nói: “Văn Thù! Phổ Hiền! Sao các ông đem đại chúng của ta đi hết vậy? Mọi người trong đạo tràng của ta đều mang qua thế giới Cực Lạc thì đạo tràng này biến thành cái gì đây? Chắc chắn trong thế gian của ta sẽ nảy sanh hiểu lầm. Đừng có nói là các ông đem toàn bộ mọi người đi, dù chỉ đem một, hai người đi, ta cũng không chấp thuận!” Trong đạo tràng này, nhất là những người thông minh lanh lợi, dụng công tu hành, nếu quý vị đem đi hết mà không được lão hòa thượng của tự viện đồng ý là lỗi thôi liền!

Trong thế giới Hoa Tạng, chúng tôi tin Văn Thù, Phổ Hiền nhất định phải được Tỳ Lô Giá Na Phật đồng ý. Tỳ Lô Giá Na Phật chấp thuận: “Tốt lắm! Mọi người đều đi được”. Vì sao? Đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh chóng, so với Hoa

Tặng nhanh hơn nhiều lắm, rút ngắn thời gian. Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng có tư tâm, Phật Phật đạo đồng, chư Phật chỉ có một nguyện vọng là hy vọng mọi người mau chóng thành Phật; nhanh nhất thì không gì hơn là đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật. Bởi vậy, Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị vãng sanh Cực Lạc thế giới, Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ! Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu chúng ta biết đạo tràng khác có vị thiện tri thức chân chánh, tôi không bằng vị ấy, các đồng học muốn đến thân cận vị ấy, tôi hoan hỷ, quý vị thân cận vị đó là đúng, không sai lầm chút nào!

Trước kia, tôi giảng kinh ở Đài Loan có những đồng học là sinh viên đại học, nghe tôi giảng hai ba năm, đến bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con muốn qua Đài Trung thân cận thầy Lý”. Tốt lắm! Những vị ấy thông minh, tôi học từ thầy Lý. Các anh thân cận thầy tôi chính là điều tôi cầu không được. Nếu thực sự có duyên phận thì phải thân cận vị thiện tri thức hạng nhất. Vị thiện tri thức bậc nhất trong các cõi Phật được hết thầy chư Phật công nhận là A Di Đà Phật. Quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật mà! Bởi vậy, chỉ cần quý vị phát tâm thân cận A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc thì tất cả hết thầy chư Phật đều vỗ tay: “Ngươi thật thông minh! Ngươi chọn lựa đúng!” Những lời tôi thưa cùng quý vị ở đây câu nào cũng đều chân thật. Do vậy, đối với những lời khai thị trong đoạn này, chúng ta càng phải suy nghĩ cặn kẽ.

Đoạn tiếp theo là: *“Ngẫu Công than viết”* (Ngẫu Công than rằng), Ngẫu Ích đại sư than thở, *“Ta hô! Phàm phu lệ đấng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ”* (Ôi chao! Phàm phu được liệt vào ngôi Bồ Xứ, là một xướng xuất hiếm lạ, một bàn luận cùng tốt chẳng thể suy lường được!). Trước hết, chúng tôi nói về câu này. Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh, viết đến đây, tự mình hết sức cảm thán: Rành rành là phàm phu, một phàm phu nào chưa đoạn, đời nghiệp vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên *“liệt vào ngôi Bồ Xứ”*. Kẻ ấy không thực sự là Bồ Xứ, chỉ ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát. Không phải là Bồ Xứ Bồ Tát sẽ chẳng thể ở chung một chỗ được, kẻ kia là phàm phu vì sao lại có thể ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát? Ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát là gần bằng Bồ Xứ, là không khác Bồ Xứ cho mấy. *“Kỳ xướng cực đàm”* (một xướng xuất hiếm lạ, một bàn luận cùng tốt), “Kỳ” (奇) ở đây là *“hy kỳ”* (希奇: hiếm lạ), chưa từng nghe đến, chưa hề thấy qua, nhưng thế giới Cực Lạc lại có chuyện như vậy đây! *“Đàm”* (談) là bàn kinh giảng đạo đến mức cùng tốt. Ngẫu Ích đại sư tán thán: Thật sự có chuyện này, không giả đâu!

“Hoa Nghiêm sở bản, khước tại thử kinh (chư Phật sở thuyết đệ nhất kinh, Bồ Tát tu hành đệ nhất pháp môn)” (Những điều riêng mình kinh Hoa Nghiêm có (kinh bậc nhất của chư Phật đã nói, pháp môn tu hành bậc nhất của Bồ Tát) hoàn toàn được nêu lên trong kinh này). Câu trong ngoặc đơn là do tôi viết. Đối với câu này tôi cũng hiểu đôi chút. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, đọc đến cuối cùng *“thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc”* (mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc), tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ. Cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm bản trung. Trong ba kinh Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất. Nếu chúng ta dùng ba phần Tự Phần, Chánh Tông Phần, Lưu Thông Phần của kinh

điền để nói thì kinh Vô Lượng Thọ là phần Chánh Tông của Tịnh Độ; kinh A Di Đà là Lưu Thông Phần. Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta hãy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Cổ nhân thường nói một mà hai, hai nhưng ba, ba nhưng bốn, bốn lượt khuyên dạy vãng sanh. Chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là quy hướng thế giới Cực Lạc. Kinh Di Đà là Hoa Nghiêm tiêu bản, kinh Vô Lượng Thọ là đại bản của kinh A Di Đà. Cư sĩ Vương Long Thư hội tập kinh Vô Lượng Thọ cũng đặt tên là Đại A Di Đà Kinh, ông đặt tựa đề kinh như thế. Bởi vậy, đây chính là kinh bậc nhất do chư Phật nói, là pháp môn bậc nhất để các Bồ Tát tu.

“*Nhi thiên hạ cổ kim, tín tiến¹, nghi đa, dư duy hữu phâu tâm lịch huyết nhi dĩ*” (nhưng thiên hạ xưa nay, tin ít, nghi nhiều, tôi chỉ đành mổ tim vấy máu mà thôi). Đây là lời cảm khái đau lòng buốt óc của Ngẫu Ích đại sư. Thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ hoài nghi đông đảo, Ngẫu Ích đại sư viết đến đây, nghĩ đến đây, đúng là đau lòng đến cùng cực! Rõ ràng là trong một đời có thể thoát luân hồi viên thành Phật đạo, chẳng phải đợi đến đời thứ hai, chỉ một đời mà thôi! Một đời viên mãn; bởi lẽ, quý vị vãng sanh là ra đi khi đang còn sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Bởi thế, tôi thường nói pháp môn này gọi là “*pháp môn không chết*”, thực sự không chết. Quý vị thấy đó: Lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, người vãng sanh thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, từ tạ mọi người: “Phật đến rồi, tôi theo Ngài về thế giới Cực Lạc”. Nói rồi bèn đi, đi ngay trong lúc sống. Đi rồi thì sao? Không cần đến cái đây da thôi này nữa, vứt bỏ, triệt để buông xuống, đi qua thế giới Cực Lạc đổi lấy thân khác.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, hoa sen ấy do chính mình trồng, chẳng phải do ai khác trồng! Tất cả hết thảy chúng sanh chỉ cần thực sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc sẽ mọc lên một búp sen. Quý vị tín nguyện kiên định, niệm Phật rất siêng, hoa sen trong ao ấy ngày càng to dần, càng tăng trưởng. Lúc quý vị hết tuổi thọ, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn quý vị. Hoa sen ấy của chính quý vị, chứ không phải của ai khác, trên hoa còn có đề tên, chắc chắn không lầm lẫn được. Quý vị vào trong hoa sen, chẳng phải là một đứa bé con dần dần lớn lên, mà là thân tướng giống hệt như Phật. Tây Phương thế giới là pháp giới bình đẳng, bỏ nhục thân, đạt được thân gì? Được thân vàng ròng sắc tía giời mài sáng bóng, trong bốn mươi tám nguyện [của A Di Đà Phật] có lời nguyện này. Tướng hảo, quang minh [của mỗi chúng sanh trong thế giới Cực Lạc] không khác gì A Di Đà Phật và Bồ Xứ Bồ Tát, thực sự bình đẳng.

Đó là vì trong quá khứ, lúc A Di Đà Phật đang tu đạo Bồ Tát trong khi tu nhân, đọc trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta sẽ thấy đoạn lịch sử ấy, Ngài đã từng tham phỏng hai trăm mười ức cõi Phật. “Hai trăm mười ức” biểu thị pháp chứ không phải là một con số; trong Mật Tông, hai trăm mười ức biểu thị ý nghĩa viên mãn, hàm nghĩa “khắp pháp giới hư không giới, hết thảy các cõi Phật, không sót một cõi nào”, Ngài đều đến tham học hết. Đối với ưu điểm và những chỗ hay của mỗi một thế giới Ngài liền học lấy; những khuyết điểm Ngài đều bỏ đi. Vì thế, sự thành tựu nơi thế giới Cực Lạc chính là do kết hợp tất cả những ưu điểm trong hết thảy cõi Phật khắp

¹ Lưu ý, ở đây Ngẫu Ích đại sư dùng chữ Tiên (匙 :ít ỏi) chứ không phải là chữ Tiểu bị phiên âm sai.

pháp giới hư không giới, không có khuyết điểm, cõi ấy được kiến tạo như vậy. Sự kiện này là một sự khai thị rất lớn cho chúng ta! A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là đóng cửa mành mù tự chế, cũng chẳng phải ở riết trong nhà nghĩ cách; không phải vậy, mà là sở đắc từ sự tham học. Đây là học vấn chân chánh, học vấn thực sự!

Chắc chắn Ngài trông thấy thế giới Sa Bà (chắc chắn Ngài đã từng đến thế giới Sa Bà của chúng ta), thấy hết thấy chúng sanh tướng mạo khác biệt. Tướng mạo đẹp thì phiền não hiện tiền, phiền não gì vậy? Ngạo mạn! Tướng mạo không đẹp, phiền não cũng hiện tiền, phiền não gì vậy? Mặc cảm tự ty rất nặng! Những điều này chúng ta đều biết rất rõ. A Di Đà Phật biết điều này, nên tất cả hết thấy những ai vãng sanh về thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng nẩy sanh phiền não, vì sao? Tướng mạo mọi người giống hệt nhau, không một ai đẹp hơn ai, cũng không ai có khuyết điểm, thấy đều giống hệt như nhau, thể chất giống hệt, cao - thấp giống hệt, gầy - béo giống hệt, tướng hảo như nhau.

Nói như vậy thì chúng ta lại có vấn đề, vấn đề gì vậy? Nếu ta muốn tìm một người nào đó, ta biết ai là ai đây? Toàn bộ giống hệt nhau. [Nếu thắc mắc vớ vẩn] như vậy là chúng ta lo xa quá đấy, vì sao? Chúng ta không có trí huệ, không có huệ nhãn, không có thần thông; nhưng người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có thần thông nên nhất định chẳng nhận làm người. Tất cả mọi người tướng mạo giống hệt A Di Đà Phật, nhất định quý vị chẳng thể nhận làm. Tuy tướng mạo của mỗi cá nhân vãng sanh cũng giống hệt nhau, quý vị vẫn chẳng nhận làm, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đọc đến đoạn này, hãy nên phát nguyện! Trong kinh này đức Phật lại khuyên chúng ta nên phát nguyện lần nữa, phải nên vãng sanh cõi nước kia.

Lại xem tiếp đoạn dưới: "*Hạnh Nguyện Phạm vân*" (Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói), tức là trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm có đoạn chép: "*Thị nhân dục lâm mạng chung thời, nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại, dĩ trí thân thuộc, oai thế, tượng, mã, trân bảo đẳng, tất giai tán diệt*" (lúc người ấy sắp mạng chung, hết thấy các căn thấy đều bại hoại, cho đến thân thuộc, oai thế, voi, ngựa, các món quý báu v.v... thấy đều tan diệt). Chúng tôi giảng đoạn này trước. Đoạn này nói lên điều gì? Lúc thọ mạng con người đã hết, lúc lâm chung, "*nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại*" (hết thấy các căn thấy đều bại hoại), tức là không khởi tác dụng nữa. "*Chư căn*" như là mắt v.v..., người chết rồi mắt không thể thấy nữa, tai không thể nghe được nữa, mũi không hô hấp, lưỡi cũng chẳng thể động, thân thể cũng chẳng thể cử động. Đó là "*nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại*" (hết thấy các căn thấy đều bại hoại), không khởi tác dụng, sáu căn mất đi năng lực. Thân thể của chính mình là như vậy đó.

Còn những vật ngoài thân của quý vị như "*thân thuộc*", tức là người nhà, quyền thuộc của mình, mình phải chia lìa. "*Oai thế*" là địa vị, quyền lực. Dầu cho địa vị, quyền lực đạt đến cùng cực, làm đến quốc vương; lúc ấy có làm vua cũng không được nữa, thọ mạng đã hết, ngôi vua cũng vứt đi, quyền lực cũng buông xuôi. "*Tượng, mã*" (voi, ngựa) là công cụ giao thông sử dụng trong thời cổ. Công cụ giao thông hiện tại gồm xe hơi, du thuyền, thậm chí tư gia có máy bay, cái gì cũng không mang theo được, không mang theo cái gì được hết! "*Trân bảo*" là của cải; hết thấy các món quý báu do quý vị góp, không mang theo được gì! "*Giai tất tán diệt*" (thấy đều tan diệt), không cầm gì theo được, thuộc về người khác hết, quý vị phải giác

ngộ điều này! Trong kinh luận, đức Phật thường cảnh tỉnh chúng ta: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ không mang được, chỉ mỗi nghiệp theo thân). Quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch: Tất cả hết thảy những vật ngoài thân chắc chắn không phải là của chính mình. Bản thân ta cái gì cũng không có, ngay đến cái thân này cũng không có, thân thể cũng phải bại hoại.

Vì vậy, trong thế gian này, kinh Bát Nhã giảng rất rõ: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thảy pháp không có sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cho là hữu sở đắc, vẫn muốn giành lấy thì quý vị làm rồi! Quý vị có giành lấy, trong tương lai cũng không mang theo được, lại còn tạo thêm vô lượng vô biên nghiệp chướng. Trong thế gian có mấy ai giác ngộ? Có mấy ai thực sự hiểu rõ? Người giác ngộ buông bỏ toàn bộ pháp thế gian, ngay cả thân mình cũng không màng, quyết định chẳng lưu luyến.

“*Duy hữu nguyện vương, bất tương xả ly, nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (Chỉ có nguyện vương chẳng hề lìa bỏ, trong hết thảy thời, nó thường dẫn đường đằng trước. Trong khoảng sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). Nói về điều gì? Nói về cái quý vị mang theo được. Cái mang theo được là thiện nghiệp, ác nghiệp, tịnh nghiệp, ba thứ nghiệp này đi theo quý vị. Người thực sự giác ngộ đoạn trừ ác nghiệp, tuy vẫn tu thiện nghiệp nhưng quyết không chấp trước. Do không chấp trước nên biến thành tịnh nghiệp; nếu chấp trước liền biến thành thiện nghiệp. Chấp trước thì quả báo là ba thiện báo; không chấp trước thì quý vị phải hồi hướng cầu sanh về Tịnh Độ, quả báo của quý vị sẽ là vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới, thù thắng khôn sánh!

Mười đại nguyện vương dạy chúng ta điều gì? Quý vị phải biết:

1) Thứ nhất là dạy chúng ta cung kính “*lễ kính chư Phật*”.

2) Thứ hai dạy chúng ta xưng tán, tức là khen ngợi điều lành, quyết định chẳng ăn nói sai trái. Thấy bất cứ sai trái gì cũng trọn chẳng rêu rao, hồng bôi dưỡng thiện tâm, thiện ý và thiện hạnh của chính mình, miệng không làm lỗi, “*xưng tán Như Lai*”!

3) Thứ ba dạy chúng ta bố thí cúng dường “*quảng tu cúng dường*”.

4) Thứ tư dạy chúng ta “*sám hối nghiệp chướng*”, phải biết sám hối nghiệp chướng của chính mình.

5) Thứ năm là dạy chúng ta “*tùy hỷ công đức*”, tùy hỷ công đức hết sức trọng yếu! Hết thảy chúng sanh đều có tâm ghen ghét, tùy hỷ công đức nhằm phá trừ ghen ghét. Trông thấy chỗ hay của người khác, ta không ôm lòng ghen ghét chút nào, mà tùy tâm, tùy lực giúp đỡ người ta, thành tựu cho người ta. Đó là tùy hỷ công đức. Người ta có công đức nhiều lớn, mình tùy hỷ thì công đức cũng lớn như người ta vậy, công đức của người ta hoàn toàn chẳng bị giảm thiểu. Cũng giống như người khác có một cây nến đã thấp rồi, mình có một cây nến chưa thấp, người ta dùng cây nến ấy thấp sáng cho mình, quang minh nơi cây nến của người ta không tổn thất mảy may. Cây nến của mình được thấp xong, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, tùy hỷ công đức là như vậy đó!

6) Thứ sáu, “*thỉnh chuyển pháp luân*”.

7) Thứ bảy, “*thỉnh Phật trụ thế*”.

Thỉnh chuyên pháp luân, thỉnh Phật trụ thế không vì chính mình, mà nhằm lợi ích chúng sanh. Quý vị gặp được thiện tri thức, chúng sanh không biết, ta biết. Ta biết thì ta thay họ thỉnh, thay mặt cho chúng sanh trong khu vực ấy, thay cho chúng sanh khắp cả thế gian lễ thỉnh thiện tri thức hãy vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp. Nhân duyên chín muồi, chúng ta phải thỉnh thiện tri thức trụ lâu dài trong khu vực của chúng ta. Thiện tri thức ở lâu dài nơi ấy thì người ở nơi ấy có phước. Chân thiện tri thức được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, Ngài sống tại nơi này, mọi người chẳng lẽ không được hưởng lây ư? Không phải là ai nấy đều có phước hay sao? Phải là người có trí huệ chân chánh, phước báo chân chánh thì mới biết khả thỉnh.

Trong thực tế, mười điều nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chỉ gồm bảy điều, bảy điều trên đây chính là các nguyện [của Phổ Hiền Bồ Tát]. So với trước kia, hiện thời thỉnh chuyên pháp luân thuận tiện hơn. Nay chúng ta có thể lợi dụng những kỹ thuật khoa học cao cấp, lợi dụng mạng thông tin quốc tế (Internet), lợi dụng truyền hình vệ tinh (satellite TV) thỉnh pháp sư, thỉnh thiện tri thức giảng kinh, thuyết pháp. Chúng ta đưa CD, băng thâu hình lên Internet, phát trên truyền hình vệ tinh hồng lợi ích chúng sanh toàn thế giới. Làm như vậy chính là gì? Đều thuộc về thỉnh chuyên pháp luân và thỉnh Phật trụ thế. Hiện tại, hai nguyện trên có thể gộp thành một, hai nguyện gộp thành một, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Ba điều nguyện sau đó đều thuộc về hồi hướng, “*thường tùy Phật học*” là hồi hướng Bồ Đề, “*hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh, “*phổ giai hồi hướng*” là hồi hướng pháp giới và hồi hướng pháp tánh. Do vậy, ba điều nguyện cuối này thuộc về hồi hướng viên mãn, đính kèm theo. Mười đại nguyện này dẫn dắt quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ năm, câu cuối cùng là: “*Quán thử tắc phát nguyện cầu sanh, tự thuộc đương vụ chi cấp*” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vãng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách). Thời thời, chồn chồn đều thấy Thế Tôn, Tò Sư ân cần, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, chỉ sợ chúng ta lại bỏ lỡ cơ hội lần này. Bởi vậy, chúng ta chỉ nên nhớ kỹ: Như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói đến mười đại nguyện, mười đại nguyện ấy là cương lĩnh tu học. Ba điều nguyện cuối tôi nói là hồi hướng. Hồi hướng với ý nghĩa gì? Nhằm mở rộng tâm lượng, thực sự khôi phục “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Phải biết bốn nguyện của mình vốn sẵn tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Cái tâm này hiện thời nhỏ nhoi dường ấy, thật đáng thương, đáng xót xa lắm! Vì thế, dùng phương pháp hồi hướng này để mở rộng nó, khôi phục nó.

“*Thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật), niệm niệm chẳng quên lời Phật dạy, đó là hồi hướng Bồ Đề. Trong những tôn giáo khác, chúng tôi cũng thường xem kinh điển của họ, hết thấy vinh diệu đều quy về Thượng Đế, đều quy về Chân Chúa! Trong Phật pháp, chúng ta không nói đến Thượng Đế, không có Chân Chúa, chúng ta nói đến thầy, thầy dạy dỗ chúng ta. Con người trong thế gian, vào thời cổ, mỗi người khi có thành tựu, nhất định sẽ quy sự vinh diệu về cha mẹ, về thầy, hồng

báo ân dưỡng dục, báo ân thầy giáo hóa. Niệm niệm chẳng quên, tâm cảm ân. Cái tâm cảm ân ấy trọn khắp pháp giới hư không giới. Đó là hồi hướng Bồ Đề.

“*Hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh. Trong đây, quan trọng nhất là Thuận, chẳng phải thuận tạm thời, chẳng phải thuận hữu hạn, mà là hằng thuận, vô hạn, vĩnh hằng! Quý vị thầy chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát giáo hóa hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới, nêu gương tốt cho chúng ta, đó là thuận! Quý vị muốn học điều gì bèn giúp cho, chỉ không giúp đỡ khi quý vị học sự bất thiện, học theo cái ác thì Ngài không dạy. Chứ nếu là thiện thì không gì không dạy! Đại thiện lẫn tiểu thiện đều dạy hết, chẳng nề nhọc nhằn, chẳng sợ cay đắng, chẳng ngại gian lao, chỗ nào có cầu bèn ứng ở chỗ đó.

Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, lúc đức Phật còn tại thế - ta phải biết khi ấy đâu có công cụ giao thông, người xuất gia toàn đi bộ - Phật đi đến mọi nơi dạy dỗ. Vết chân Phật in dấu khắp Ấn Độ, luôn du hành, cực Nam đến tận đảo Tích Lan, ngày nay là Tu Lý Lan Kha (Sri Lanka). Thị hiện ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng như vậy, địa phương nào muốn thỉnh Phật: “Xin giáo hóa chúng con!” Phật bèn đến. Hễ có người thỉnh, Phật bèn đến.

Học trò của Ngài không ít vị là Bồ Tát, Bồ Tát không cần ai thỉnh, chủ động đi đến, làm “bạn chẳng mời” (bất thỉnh hữu) của hết thầy chúng sanh; nhưng Phật nhất định phải thỉnh, vì sao? Phật đại biểu cho sư đạo, tôn sư trọng đạo, bởi thế, nhất định phải thỉnh. Bồ Tát là đồng học, đồng học chẳng cần phải nghiêm túc, “anh chẳng cần mời tôi cũng đến”; nhưng trong đây vẫn có một điều kiện, trước hết phải lắng nghe xem [người mà mình định tiếp độ] có thể tiếp nhận hay không. Nếu có thể tiếp nhận, hoan hỷ nghe, nghe được, hiểu được, Bồ Tát bèn đến. Chẳng thỉnh Ngài cũng đến, hằng thuận chúng sanh mà! Tuyệt đối chẳng chấp trước vào một pháp môn. Quý vị nói pháp môn Niệm Phật rất tốt, quá tốt ấy chứ! Nhưng người ta không thể tiếp nhận thì chẳng thể đem pháp môn này ra nói. Họ muốn pháp gì, quý vị phải biết! Người ấy có thể tiếp nhận điều gì? Quý vị phải biết! Ưa thích điều gì? Quý vị phải biết thì quý vị thuyết pháp mới khéo cơ. Điều này những đồng học muốn học kinh giáo phải đặc biệt chú ý, quán cơ (xem xét căn cơ). Chư Phật Bồ Tát vì thuyết pháp khéo lý, khéo cơ cho chúng sanh nên dạy dỗ thành công.

Nguyện cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*”, tức là hồi hướng khắp tất cả, tâm lượng hoàn toàn mở rộng, chẳng có một tí tí bó buộc nào, đúng là trọn khắp hư không pháp giới; khắp hư không pháp giới là Tánh Đức viên mãn, Tánh Đức mà! Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do tự tánh hiện, chỉ do Thức biến. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật giảng rất rõ: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Hồi hướng khắp tất cả là hồi hướng về tâm tánh, hết thầy đều quy về tự tánh, tất cả hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian phát sanh từ tự tánh, đến cuối cùng trở về tự tánh, đó gọi là đại viên mãn!

Bởi thế, nguyện vương này “*bất tương xả ly*” (chẳng hề bỏ lìa), lúc con người lâm chung, tất cả hết thầy đều tách rời, không mang theo được gì, chỉ mang được theo một mình nguyện vương này. Tịnh nghiệp thù thắng khôn sánh đi theo quý vị, “*nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền*” (trong hết thầy thời, nó dẫn đường đằng trước), dẫn dắt quý vị về đâu? Dẫn quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó chính là những nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Quán thử tắc phát nguyện cầu sanh,*

tự thuộc đương vụ chi cấp” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vãng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách trong hiện tại): “*Đương*” (當) là “*đương hạ*”, tức là hiện tiền. “*Vụ*” (務) là chuyện bắt buộc phải làm, “*cấp*” (急) là lập tức; [*“đương vụ chi cấp”*] tức là chuyện lập tức phải làm. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, thấu hiểu, sẽ phải làm ngay lập tức, buông xuống hết thảy những thứ khác. Trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi, nhất định phải tương ứng với kinh giáo.

Tinh thần và nghĩa thú chân chánh của kinh giáo là gì? “*Thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết*” (thọ trì, độc tụng, vì người khác diễn nói), là tám chữ ấy. Những gì Phật dạy trong kinh giáo chúng ta tiếp nhận toàn bộ, đó là “*thọ trì*”. Tiếp thu toàn bộ xong, biến chúng hoàn toàn thành của chính mình. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình là hư huyền, là giả, là nghiệp, nghiệp bất thiện; thảy đều buông xuống hết, thay thế toàn bộ bằng kinh giáo của đức Như Lai. Cách nhìn, cách nghĩ, cách làm của chúng ta hoàn toàn tương ứng với kinh giáo, đó là thọ trì! Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ, chẳng để mất. Chẳng để mất dấu chỉ một ngày hay chỉ trong một sát-na. Đó là Thọ Trì!

“*Độc tụng*” là ôn tập. Hằng ngày ôn tập, ôn cô tri tân (ôn chuyện cũ để hiểu chuyện mới), trường thời huân tu. Huân tu lâu ngày bèn khai ngộ! Ngộ rồi thì sao? “*Vị nhân diễn thuyết*” (vì người khác diễn nói), tức là thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực hiện trong công việc, thực hiện trong việc xử sự, đãi người, tiếp vật, vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói, hết thảy đều vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Hết thảy đều nhằm biểu diễn cho chúng sanh thấy: Đây là cuộc sống giác ngộ, cuộc sống của Phật, Bồ Tát, cuộc sống đại tự tại. Không lão phu tử nói: “*Học nhi thời tập chi*” (Học rồi luôn tu tập - tức thực hiện). “*Tập*” (習) chính là như nay ta nói là “*thực hiện*”, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật. “*Thời*” (時) là luôn luôn, không gián đoạn; tiếp đó là “*bát diệp duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao); nói theo cách nói của nhà Phật là “*pháp hỷ sung mãn*”, thực sự sung sướng, pháp hỷ sung mãn! Sự vui sướng ấy không do bên ngoài mà có, mà là từ trong tự tánh lưu lộ. Tiêu tiết cuối cùng là:

“*Kinh vân: Đắc dữ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”(Kinh dạy: ‘Được cùng các thượng thiện nhân như vậy ở cùng một chỗ’). Kinh văn viết như vậy. “*Sở vị Quán Âm, Thế Chí, bả thủ cộng hành*” (Ý nói: Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi). “*Bả thủ*” (把手) là nắm tay, tay trong tay! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đi theo Quán Âm, Thế Chí tức là tay nắm tay cùng đi: Kinh hành, tản bộ, chuyện trò, đàm luận Phật pháp, có phải là vui sướng lắm hay không? “*Văn Thù, Phổ Hiền thân vi thắng hữu*” (Văn Thù, Phổ Hiền làm bạn bè thân thiết thù thắng). Văn Thù và Phổ Hiền đều là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; các Ngài thường sống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thắng hữu*” là bạn bè tốt nhất, bạn bè thù thắng nhất. Câu này miêu tả tình trạng cuộc sống và tình hình học tập tại Tây Phương Cực Lạc thế giới: Những người chung quanh ta toàn là thượng thiện nhân. “*Tắc huân đào tự hữu, thành Phật vô nan*” (Nên tự được un đúc, thành Phật

chẳng khó), không sai chút nào! Chúng ta trường thời huân tu, huân tập, un đúc, là do nguyên nhân ấy, chứ không phải là chẳng có có nguyên nhân.

Vậy thì vì sao trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh chóng đến thế? Thành tựu thù thắng dường ấy? Vì sao trong thế gian này chúng ta chẳng thể đạt được như thế? Xem đến đây quý vị hiểu ngay. Trong thế gian chúng ta, làm sao có thể ngang vai sát cánh cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, chẳng có lẽ ấy! Bồ Tát quá cao! Nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, vì sao khác? Đều là học trò của A Di Đà Phật, quan hệ giữa chúng ta là gì? Đồng học. Các vị ấy theo A Di Đà Phật đã lâu, chúng ta mới theo. Về thân phận, họ là lớp đàn anh, mình là đàn em, đàn anh đương nhiên phải chăm nom đàn em. Chúng ta có câu hỏi gì ngại không hỏi Phật, hỏi họ rất thuận tiện. Một ngày từ sáng đến tối sống cùng một chỗ, cho nên thành Phật không khó.

Tiếp đó là mấy câu tỏ ý mừng rỡ trước vận may: “*Thử sanh hữu hạnh, hoạch kiến, hoạch văn, khả bất nguyện sanh dư?*” (Đời này may mắn, được thấy, được nghe, há chẳng nguyện vãng sanh ư?) Một đời này chúng ta thực sự may mắn, nói đúng ra, mình may mắn quá đổi! Quý vị được thấy chuyện này, được nghe kinh điển này, há vẫn chẳng bằng lòng vãng sanh ư? Phải hiểu đây là chuyện thành Phật trong một đời, là đại sự nhân duyên bậc nhất trong các pháp thế gian và xuất thế gian, không có chuyện gì có thể sánh bằng chuyện này, chúng ta chẳng thể không biết như vậy. Đúng là không thể nào so sánh được. Nếu để lỡ việc này, đúng là tổn thất lớn lao không ai có thể diễn tả được, lớn lao quá mà! Nhân duyên để thành Phật trong một đời mà!

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, vì đâu ta coi thường? Coi thường là vì lẽ gì? Rất mong đến đó, nhưng không nghiêm túc tu tập thực sự, nguyên nhân vì đâu? Không tin! Không thực sự tin, trong một đời này thậm chí hằng ngày đọc kinh này, hằng ngày giảng kinh này, nhưng bán tín, bán nghi. Kẻ ấy tin gì? Vẫn là tin vào danh văn, lợi dưỡng trong thế gian này, hưởng thụ ngũ dục lục trần, vẫn tin vào những thứ ấy. Nếu bày hai chuyện ấy ở trước mặt, họ sẽ chọn thứ gì? Chọn danh văn lợi dưỡng, chọn lấy ngũ dục lục trần thế gian, chẳng chọn lấy Niệm Phật, làm lẩn ở chỗ này! Bởi thế, đối với việc này Tổ Sư rất đau lòng, đau lòng vì không phải là vì trong một đời này [chúng sanh] không có cơ hội nghe được, không phải vì họ nghiệp chướng sâu nặng đến nỗi cả đời không được gặp gỡ pháp này, mà đau lòng bởi lẽ gì? Họ được gặp gỡ, nhưng lại ra sao? Ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể y giáo phụng hành, vẫn cứ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình như cũ, vẫn tạo tác mười ác nghiệp như cũ, biết làm cách nào nữa đây?

Người thực sự hiểu rõ, thực sự tin tưởng sẽ làm hết sức rõ ràng như thế này: Ngay lập tức đoạn trừ mười ác nghiệp! Chẳng những không tạo mười ác nghiệp nữa, mà còn quyết định tu mười thiện nghiệp đạo. Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị ở cùng một chỗ với các thượng thiện nhân, dầu chúng ta chưa phải là thượng thiện thì cũng phải là hạ thiện. Ngay cả hạ thiện cũng chưa có, làm sao quý vị có thể ở cùng một chỗ với các thượng thiện nhân cho được? Vì thế, người thực sự cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định đoạn ác tu thiện; đó là điều khẳng định, nhất định tương ứng với Đại Bồ Đề. Chúng ta thường gọi tâm Đại Bồ Đề ấy là chân thành. Người ấy nhất định chân thành, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, đúng là: “Tâm một mực chân thành”, không có nhị niệm, tâm nhất định thanh

tịnh, tâm nhất định bình đẳng, tâm nhất định chánh giác, tâm từ bi, niệm niệm khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với những thứ ấy.

Chúng ta biết con người giác ngộ, hồi đầu ấy trong một đời này nhất định được sanh về Tịnh Độ. Nếu nói tôi tin, tôi hằng ngày niệm Phật, trong mười hai thời chẳng thiếu khóa lễ nào tại Niệm Phật Đường, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, ngu si, tự tư, chẳng thành thật, vẫn chẳng thể vãng sanh! Cổ đức nói: *“Nhất thiên niệm thập vạn thanh Phật hiệu, hãm phá hầu lung dã uổng nhiên”* (Một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uổng công) là vì lẽ nào? Tâm hạnh chẳng lành. Chỉ tốt lành đặng miệng, trong ba nghiệp thân - khẩu - ý thì thân và ý bất thiện, chỉ có cái miệng từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, chẳng chửi người, như vậy thì chưa vãng sanh được! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ thì thấy đúng là như vậy, vừa mở đầu kinh văn, đức Thế Tôn dặn dò chúng ta khéo giữ gìn tam nghiệp, đó là điều kiện cơ bản để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều lành đầu tiên là khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác; khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm. Đó là mười thiện nghiệp! Niệm Phật mà vẫn tạo nghiệp thì tương lai đi về đâu? Đi vào địa ngục đạo!

Quý vị xem bộ Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao do pháp sư Quán Đảnh soạn vào đời Càn Long nhà Thanh. Trong đoạn cuối cùng của bộ Sớ Sao này có nói đến một trăm thứ quả báo khác nhau của người niệm Phật, câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục. Lúc tôi còn trẻ, vừa mới học Phật, đọc đến đoạn này hết sức nghi hoặc: Dù niệm Phật không tốt, lẽ ra chẳng đến nỗi đọa A Tỳ địa ngục, sao lại đọa A Tỳ địa ngục được? Tôi cầm sách đem hỏi thầy Lý: “Rốt cuộc là chuyện gì đây? Con nghĩ không ra, không có cách gì hiểu được!” Thầy Lý đọc rồi bảo: “Đây là câu hỏi lớn, tôi chẳng giảng cho một mình ông! Khi tôi giảng kinh, sẽ giảng cho khắp đại chúng”. Miệng niệm Di Đà nhưng chẳng đoạn ác nghiệp, kẻ ấy vẫn tạo ác nghiệp. Ác nghiệp nghiêm trọng nhất là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Hủy báng Tam Bảo, lẽ đâu chẳng đọa địa ngục? Niệm vị Phật nào cũng vô ích, không ai cứu được hết!

Trong những tội ấy, mọi người dễ phạm nhất là tội tự khen mình, chê người! Hiện nay, chúng ta cũng thường thấy: Trong vô lượng pháp môn, chỉ có pháp môn của tôi tốt, người khác đều trật hết! Quý vị phải hiểu mỗi pháp môn đều do đức Phật nói. Quý vị nói một pháp môn nào không đúng thì quý vị nói bậy rồi, những pháp môn ấy do ai nói? Do đức Phật nói đấy. Chẳng phải quý vị đã báng Phật ư? Pháp do đức Phật nói! Đừng nói chi khác, cứ nói đơn giản là kinh Vô Lượng Thọ thôi. Ai nấy đều biết kinh Vô Lượng Thọ có mười hai bản dịch, nhưng trải qua nhiều đời bảy bản bị thất truyền, chỉ còn năm bản được truyền đến nay. Đối với năm bản đó, nếu nói bản này hay, chê bản kia dở thì đều là báng Phật, chẳng được nói như vậy. Nếu không hay thì làm sao được lưu truyền trong thiên hạ? Được lưu truyền trong thiên hạ, nhất định phải có giá trị lưu truyền. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng giá trị ấy! Nếu anh không có giá trị, mọi người đâu chịu lưu thông; [thế mà các bản dịch ấy được] lưu thông thành sách rất nhiều. Chẳng giống như ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển, kỹ thuật ấn loát rất phát triển, in sách rất dễ dàng; thời cổ chẳng dễ dàng như vậy!

Ngay như thời đầu Dân Quốc mới đây thôi, kể ra rất thích hợp [để so sánh]; chúng ta thấy vào thời đầu Dân Quốc vẫn còn in sách bằng bản khắc gỗ, rất tốn công. Một người một ngày làm suốt tám chín tiếng đồng hồ, in được bao nhiêu bản? Trước kia, sách được in thành từng quyển, một quyển không nhiều, đại khái chừng sáu mươi hay bảy mươi trang. Một ngày chỉ in có thể in sáu bản! Tôi đến viếng Kim Lăng Khắc Kinh Xứ, họ ấn loát bằng bản khắc gỗ. Khi đó tiến bộ hơn trước nhiều, xưa kia phải dùng muôi khói gỗ từng [làm mực in], hiện thời vẫn dùng muôi khói gỗ từng nhưng pha thêm mực dầu, vậy là tiến bộ hơn trước nhiều! Nhưng khi in thì vẫn phải áp từng trang lên bản gỗ, đặt giấy lên đó, rồi mới ép xuống, rất tốn công! Làm tám tiếng một ngày, một người chỉ in được sáu quyển. Hiện tại, máy móc quá tiện lợi, in mấy ngàn bản trong vòng ba bốn ngày là xong, là hoàn tất, công việc được cơ giới hóa. Trước kia dùng sức người, cho nên giá trị của sách vở rất cao. Đúng là người bình thường không mua nổi sách.

Khoảng năm Dân Quốc hai mươi mấy, lúc đó tôi chưa đến mười tuổi, chừng tám hay chín tuổi chi đó, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ [tự điển] Từ Nguyên, in bìa cứng đẹp để thành hai quyển thượng - hạ. Bộ Từ Nguyên ấy chưa được in đẹp để như bây giờ, giá bao nhiêu? Năm đồng Đại Dương. Năm đồng Đại Dương giá trị ra sao? Thừa cùng quý vị, bằng tiền ăn xài của một gia đình bốn người trong cả tháng. Phải mất một số tiền bằng tiền tiêu dùng của một gia đình bốn người trong cả tháng mới mua được sách, mà chỉ mua được một bộ tự điển thôi! Nói vậy, quý vị mới hiểu khi đó sách đắt như thế nào! Người giàu có mới tích lũy sách, sách khi ấy giống như đồ sưu tập của người chơi đồ cổ bây giờ vậy, coi sách như vật quý giá để tặng nhau.

Đọc sách cũng hết sức trân quý. Lúc đọc sách, nhất định chẳng được khuyên hay chầm, không được phép! Muốn khuyên hay chầm thì làm cách nào? Phải chép lại. Vì thế, trước kia người ta đọc sách, chắc chắn là sách nào mình ưa thích sẽ sao lại một bản. Tự mình sao lấy một bản thì có thể khuyên hay điếm, có thể dùng bút màu để đánh dấu. Sách bản gốc là bảo bối! Tự mình đọc xong lại còn truyền cho đời sau, đời sau lại truyền xuống đời sau nữa. Bởi thế, chẳng được có chút gì như bản, nhất định chẳng được tổn hoại. Trước kia, sách vở được quý trọng như thế, bây giờ đâu có được như thế! Hiện nay, khoa học kỹ thuật quá phát triển, sách vở biến thành rẻ mạt, chẳng đáng giá, mọi người coi thường; trước kia, sách vở đúng là của báu!

Bây giờ, chúng ta lại xem tiếp đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt đãi*” (nhanh chóng vượt thoát, dứt bật đối đãi), phần này có bốn tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là: “*Hạ phàm chúng sanh, Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị (Sơ Trụ chí Đẳng Giác), vị thị phàm phu, khước bất lịch Dị Sanh, tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (Hạ phàm chúng sanh trong Niệm Bất Thoái, vượt hết khỏi bốn mươi một địa vị (từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác Bồ Tát) tu nhân, có nghĩa là kẻ ấy tuy là phàm phu nhưng chẳng trải qua [các địa vị] Dị Sanh, ắt bỏ vào địa vị Phật, không khác gì Quán Âm, Thế Chí). Trước hết, chúng ta đọc đoạn này. Câu trên đây thuộc phần nửa trước của đoạn này. Chữ “*hạ phàm*” chỉ ai? Những kẻ vãng sanh trong bậc Hạ thuộc Phạm Thánh Đòng Cư độ, tức là ba phẩm Hạ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liền đắc Niệm Bất Thoái. Chẳng những là Niệm Bất Thoái, mà còn viên chứng Niệm Bất Thoái. Nếu chỉ nói đơn giản là Niệm Bất Thoái thì có thể

nói là kẻ ấy chỉ bằng với Sơ Trụ Bồ Tát, chúng ta có thể hiểu như vậy. Nếu nói là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*” thì khác hẳn, vì bậc viên chứng ba thứ Bất Thoái là ai? Là Đẳng Giác Bồ Tát. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư khẳng định viên chứng ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, cho nên Ngài viết: “*Siêu tận tứ thập nhất nhân vị*” (vượt hết khỏi bốn mươi một địa vị tu nhân). Bốn mươi một địa vị khi còn đang tu nhân của Bồ Tát là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Đúng là khó tin! Bởi thế, phải nói kẻ ấy là phàm phu nhưng trong một đời nhất định thành Phật “*tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (át bỏ vào địa vị Phật, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí), không khác gì bậc Đẳng Giác Bồ Tát cả! Kẻ ấy là hạ phàm chúng sanh, ở trong thế giới Cực Lạc có sao có thể thành được như vậy? Đó là chân tướng sự thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp theo đó là đoạn:

“*Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đẳng Giác Bồ Tát*” (Nếu bảo là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi là phàm phu, chẳng thể gọi là Đẳng Giác Bồ Tát): Kẻ ấy là chúng sanh thuộc ba phẩm Hạ trong Phạm Thánh Đồng Cư độ, nếu quý vị nói kẻ ấy là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chẳng thể nói như vậy được. Vì sao? Vì kẻ ấy thuộc ba phẩm hạ vãng sanh về Phạm Thánh Đồng Cư độ, là phàm phu mà! Một phẩm phiền não chưa đoạn, chẳng thể gọi kẻ ấy là Đẳng Giác Bồ Tát được! Sự việc này “*thử giai giáo võng sở bất năng thấu, sát võng sở bất năng lệ*” (chẳng thể tính gộp trong giáo võng được, chẳng thể xếp vào sát võng được). Chữ “*giáo võng*” chỉ giáo học; trong giáo học không thể có tình huống như vậy được. Trong giáo võng, theo Ngũ Thừa Phật giáo thì pháp để phàm phu học tập là pháp Nhân Thiên “*Ngũ Giới, Thập Thiện, tứ vô lượng tâm*”; họ học những thứ đó. Thanh Văn học pháp Tứ Đế, Duyên Giác học pháp Thập Nhị Nhân Duyên, Bồ Tát học lục độ vạn hạnh, đó là nói về Giáo! Những điều đó không có cách gì thích ứng với tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao phàm phu lại ở cùng một chỗ với Đẳng Giác Bồ Tát được? Khác nào học trò tiểu học lại học cùng một lớp với nghiên cứu sinh, thành ra thế thống gì nữa?

“*Sát võng sở bất năng liệt*” (Chẳng thể xếp vào sát võng): Chữ “*sát võng*” chỉ thế giới. Trong tất cả thế giới không có sự việc này! Phàm phu quyết định phải thuộc vào Phạm Thánh Đồng Cư độ, quyết định chẳng dự vào Phương Tiện Hữu Dur độ. Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát quyết định thuộc Phương Tiện Hữu Dur độ, chẳng thuộc vào Thật Báo Trang Nghiêm độ. Pháp Thân Bồ Tát quyết định ở trong Thật Báo Trang Nghiêm độ, chẳng ngụ nơi Phạm Thánh Đồng Cư độ. Sát võng là như vậy đó. Tây Phương Cực Lạc thế giới phá cái lệ ấy, người thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ ở cùng một chỗ với Đẳng Giác Bồ Tát, mà Đẳng Giác Bồ Tát thuộc Thật Báo Trang Nghiêm độ. Bởi thế, Giáo Hạ của mười phương thế giới không có sự tình này, không có cái lệ này. Trong bốn cõi [Tịnh Độ của một thế giới Phật] cũng không có trạng huống này, nên [pháp môn Tịnh Độ] gọi là pháp môn đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ nào? Ở đây chúng ta thấy rõ thật là đặc biệt!

Đoạn này giảng “*đốn siêu tuyệt đãi*” như thế đó, rất trọng yếu. Sau khi quý vị thực sự hiểu được rồi thì lòng tin nguyện đối với việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng những sẽ sanh khởi mà còn kiên định nữa. Đối với việc một đời sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là chỗ mấu chốt.

“*Dương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát*” (Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta thì một cái Đồng Cư khó vượt thoát nhất). Câu này luận về các cõi Phật thông thường. Phạm Thánh Đồng Cư Độ là gì? Là lục đạo luân hồi. Vượt khỏi luân hồi lục đạo rất khó khăn, “*tối nan thấu thoát*” (khó vượt thoát nhất). Phật, Tổ nói như vậy, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, quan sát, không được làm lẫn chút nào. Hãy suy nghĩ: Nay chúng ta đang sống trong cái cái Đồng Cư này, chúng ta có năng lực gì để vượt thoát đây? Từ xưa, tổ sư đại đức nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, trừ Tịnh Độ ra, quý vị tu hành bất cứ pháp môn nào cũng không thể thành tựu trong một đời được! Không thể thành tựu sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi được! Vì sao? Bất luận quý vị tu học một pháp môn nào, công phu định lực nhất định phải là Cửu Thứ Đệ Định thì mới có thể vượt thoát tam giới. Tứ Thiên Bát Định trong tam giới không thể vượt thoát lục đạo luân hồi được!

Bởi thế, nếu quý vị suy nghĩ: Quý vị muốn vượt thoát luân hồi lục đạo thì công phu định lực phải cao hơn Bát Định. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy sở chứng của A La Hán là Đệ Cửu Định, Cửu Thứ Đệ Định mới vượt thoát được! Chúng ta có năng lực ấy hay chẳng? Hiện tại, các nhà khoa học nói đến những chiều không gian khác nhau, Phật pháp gọi là “vượt thoát luân hồi lục đạo”. Cõi trời gồm hai mươi tám tầng, tức là trong Tam Giới có hai mươi tám tầng trời, nghĩa là hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau. Quý vị phải vượt khỏi hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau mới vượt được cái cái Đồng Cư này! Xưa kia vào thời Chánh Pháp và Tượng Pháp thì có người làm được, chứ trong thời kỳ Mạt Pháp thì không được! Đàm Hư đại sư đã nói về tình hình này rất khéo, quý vị cứ đọc sách của cụ Đàm sẽ biết ngay; hãy đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục là truyện ký của cụ Đàm.

Tôi chưa từng gặp mặt Sư, nhưng được nghe băng âm lời Sư khai thị trong kỳ đã Phật Thất tại Hương Cảng. Băng ghi âm ấy nay chúng tôi đã chế thành CD, chỗ chúng tôi có lưu truyền. Băng âm lời khai thị ấy, tôi đã nghe ít nhất hơn trăm lần, nghe rất thích, rất cảm động. Sư giảng rất hay. Suốt một đời Sư (lúc đó Sư đã chín mươi tuổi), chưa hề thấy hay nghe nói có một người nào trong Thiên Tông khai ngộ cả, chưa từng nghe nói đến. Sư nói đã từng gặp những người tham Thiền đắc Định, chứ chưa hề gặp người khai ngộ!

Đắc Thiền Định chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Nếu đắc Sơ Thiền hay Nhị Thiền thì nói thật ra sẽ sanh trong Tứ Thiên Thiên, không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Bạc đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới thoát khỏi được. Bạc đại khai viên giải bên Giáo, đại sư cũng chưa từng nghe nói có một ai. Người niệm Phật vãng sanh chẳng những nghe nói rất nhiều, mà cả đời Sư được chính mắt thấy phải hơn hai mươi trường hợp. Sư thường khuyên người khác niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ; trừ phương pháp này ra, không còn phương pháp thứ hai nào nữa cả. Đây là lời trình bày về kinh nghiệm suốt cả một đời của cụ Đàm. Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, lúc mất cũng là ngồi qua đời. A! Nay đã hết giờ rồi.

Tập 23

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiêu đoạn thứ hai của đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt dãi*”. Chúng tôi đọc một lượt: “*Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát, duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực, tín Phật lực phương năng thâm tín danh hiệu công đức, tín trì danh phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã*”(Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất. Chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc vượt ngoài các cõi Đồng Cư của mười phương. Hiểu rõ điều đó thì mới có thể tin tưởng sâu xa vào nguyện lực của Phật Di Đà, tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa nơi công đức của danh hiệu. Có tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn vậy!)

Tuy những điều được nói trong đoạn này trong phần trên chúng tôi đã nói không ít, nhưng đoạn này có ý nghĩa rất sâu, hết sức trọng yếu. Kinh Pháp Hoa giảng “*đại sự nhân duyên*” là “*khai thị ngộ nhập tri kiến Phật*”, đó là đại sự nhân duyên của chúng ta. Nói cách khác, cái gọi là đại sự nhân duyên chính là kiến giải, tư tưởng, và trí huệ của chúng ta phải viên mãn rốt ráo giống như Phật. Hết thấy nhân quả, cõi nước, chúng sanh trong mười phương ba đời không gì chẳng biết, đó chính là đại sự nhân duyên.

Chẳng những không gì chẳng biết, mà còn không gì chẳng thể, chính mình thực sự làm chủ vũ trụ; Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, bốn việc này đều viên mãn hiện tiền. Nói thật ra, tự tánh của mỗi chúng sanh đều đầy đủ viên mãn bốn việc này; dẫu đầy đủ nhưng lại mê mất tự tánh, nên bốn việc này hoàn toàn không có. Bởi vậy, chúng ta nói “[viên mãn] hiện tiền” thì đó chỉ là khôi phục tự tánh, nhà Phật thường gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, hay là “*đại sự nhân duyên*”. Đó là cảnh giới tu học tối cao, là mục tiêu chung cục của chúng ta. Phải bắt đầu thực hiện từ đâu? Từ một cửa ải Đồng Cư, phải khởi đầu từ đó. Trước hết, ta phải đột phá được cửa ải này, cũng có nghĩa là phải vượt thoát luân hồi lục đạo. Khó lắm! Hôm qua, tôi đã thưa cùng quý vị, thực sự khó lắm!

Chúng ta không có năng lực vượt thoát, nay đức Thế Tôn dạy cho chúng ta một phương pháp, chẳng cần phải vượt thoát vẫn có thể đột phá được, làm thế nào vậy? Nay chúng ta đang mang thân phận con người trong lục đạo, dùng ngay thân phận này để di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn mang thân người. Chúng ta mang thân người không có cách gì di dân lên thiên đạo, nhưng từ nhân đạo [tại Sa Bà] di dân sang nhân đạo [bên Cực Lạc] chẳng phải là chuyện khó. Chúng ta di dân sang Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phàm Thánh Đồng Cư độ cõi ấy rất đặc biệt, “*duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại*” (chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc là vượt thoát ngoài các cõi Đồng Cư trong mười phương). Các cõi Đồng Cư của chư Phật, Bồ Tát trong mười phương ba đời đều chẳng sánh bằng cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc.

Ấy là vì trong thế giới Cực Lạc, cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang dung hợp thành một thể, giống như bốn ngọn đèn vậy! Tịch Quang là ngọn đèn lớn, chúng ta nói nó có độ sáng là một vạn chi quang², ngọn đèn ấy sáng bùng. Cõi Thật Báo [là ngọn đèn] có độ sáng một ngàn

² Chi quang ở đây có hai cách hiểu:

chi quang. Độ sáng [của ngọn đèn] Phương Tiện Độ là một trăm chi quang. Cõi Đồng Cư chỉ sáng bằng một ngọn nến hay một chi quang. Nay cả bốn ngọn đèn ấy đều được đặt trong cùng một căn phòng, quý vị thấy có diệu kỳ hay không? Cây đèn một nến của ta cũng sáng khắp cả gian phòng, cây đèn sáng chói trăm nến cũng chiếu khắp phòng, cây đèn sáng chói một ngàn nến cũng chiếu khắp phòng. Cây đèn một vạn nến cũng chiếu khắp phòng, dung hợp thành một thể. Cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc giống như vậy đó. Cõi Đồng Cư của mười phương thế giới giống như mỗi căn phòng chỉ có một ngọn đèn một nến, không giống với Cực Lạc; vì thế, Cực Lạc vượt ngoài [các cõi Đồng Cư trong các thế giới ở] mười phương.

“*Liễu thử*” (hiểu rõ điều đó), Liễu (了) là “*minh liễu*” (hiểu rành rẽ, rõ ràng). Quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới có thể “*thâm tín Di Đà nguyện lực*” (tin tưởng sâu xa vào nguyện lực của Phật Di Đà), nguyện lực của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao tình hình cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc lại được như thế? Vì nó được hiển hiện bởi nguyện lực của A Di Đà Phật. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích điều này rất khéo: Chủ yếu nhất là Di Đà nguyện lực, kể đến là công lực niệm Phật của chúng ta, tức là sức mạnh của tịnh nghiệp. Di Đà nguyện lực giống như ngọn đèn sáng một vạn nến, tịnh nghiệp của chúng ta giống như ngọn đèn một nến, đến nơi đó bèn có thể dung hợp. Nhờ vào nguyện lực của A Di Đà Phật, quang minh ngọn đèn một nến của chúng ta cũng lớn phồng lên, chẳng khác quang minh của A Di Đà Phật cho mấy, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Quý vị hãy suy nghĩ thí dụ này của tôi, hãy quan sát, dần dần quý vị sẽ lãnh hội được. Đó chính là điều chẳng thể tìm thấy trong các thế giới của mười phương chư Phật.

Chúng ta “*tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức*” (tin vào Phật lực mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu). Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Đối với mỗi câu trong đoạn này, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến chữ “*thâm tín*” (tin tưởng sâu xa), một mấy hoài nghi cũng chẳng có, tin tưởng sâu xa đấy nhé! Danh hiệu có công đức thù thắng. Trong những năm qua, chúng tôi giảng kinh luận Tịnh Độ, đã trình bày cùng mọi người rất nhiều lần. Qua việc so sánh nhiều tầng, chúng ta sẽ hiểu được công đức của danh hiệu, vì mỗi khi nói danh hiệu công đức thù thắng khôn sánh, chúng tôi thường nghe nói: “Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng bằng cách nào?” Chẳng thể đoạn mỗi nghi hoặc ấy, sẽ không đạt được lợi ích nơi công đức của danh hiệu.

Tôi đã từng trình bày cùng mọi người nhiều lần: Trong thời đại Tùy - Đường, có không ít cao tăng đại đức nghiên cứu hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, [muốn tìm ra] bộ nào đại biểu cho toàn bộ những lời dạy trong bốn mươi chín năm của đức Thế Tôn. Tìm được bộ kinh nào có thể đại biểu cho toàn bộ giáo pháp thì cũng chính là khẳng định kinh ấy là bậc nhất trong hết

1. Đơn vị đo cường độ dòng điện cần thiết để bóng đèn cháy sáng, tức là Watt (còn phiên âm là Ngõa Đặc nhằm tránh nhầm lẫn với khái niệm thứ hai).

2. Đơn vị đo cường độ ánh sáng, còn gọi là “chúc quang” (dịch chữ Candela). Đây là đơn vị đo lường quốc tế nhằm đo đặc lượng ánh sáng tỏa ra từ một nguồn sáng theo một hướng nhất định. Đôi khi, nó còn được gọi thông dụng là candle (do vậy, thuở xưa, người Việt thường nói là “đèn sáng mấy nến”).

thầy các kinh; [kinh ấy] sẽ là một hội thù thắng khôn sánh trong bốn mươi chín năm thuyết pháp của đức Thế Tôn. Tổ sư đại đức các tông phái đều đồng ý, đều thừa nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh bậc nhất do đức Phật nói ra. Bởi thế, kinh Hoa Nghiêm được gọi là “*căn bản pháp luân*”. Lúc tôi vừa mới tiếp xúc Phật giáo sơ sài, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã giới thiệu kinh Hoa Nghiêm là khái luận Phật giáo, các kinh điển khác đều là những phần đặc biệt thuyết minh tường tận một bộ phận nào đó của kinh Hoa Nghiêm, còn kinh Hoa Nghiêm giảng về toàn thể. Thuyết này của tiên sinh Phương Đông Mỹ rất dễ hiểu! Phật pháp khái luận, đúng là như vậy!

So sánh hai bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh, các tổ sư đại đức cũng đều thừa nhận kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Hoa Nghiêm đã là đệ nhất, sao Vô Lượng Thọ Kinh lại là đệ nhất? Giải thích cách nào đây? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc*”, kinh Vô Lượng Thọ chính là Cực Lạc; còn kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào Cực Lạc. Bởi thế, so với Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất! Cổ đức nói đến đây thôi.

Trên cơ sở này, chúng ta lại tiến thêm một bước nữa. Nay đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta chọn bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư. Trong bản hội tập, cụ chia toàn bộ kinh văn thành bốn mươi tám phẩm, chúng ta phải hỏi phẩm nào là bậc nhất trong bốn mươi tám phẩm đó? Chúng ta phải tìm cho ra phẩm bậc nhất. Các tổ sư đại đức cũng đều nói, phần tinh vi đẹp đẽ nhất, không gì sánh bằng của kinh Vô Lượng Thọ chính là bốn mươi tám nguyện; tức là phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ sáu là bậc nhất. Phẩm kinh ấy do chính đức A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại cho chúng ta biết mà thôi. Thuật lại, không thêm, không bớt, nghĩa là A Di Đà Phật nói làm sao, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng kể lại như vậy, kể lại cho chúng ta nghe bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ. Phẩm này là phẩm bậc nhất của toàn bộ cuốn kinh. Nói thật ra, bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp của một quốc gia, chúng chính là hiến pháp của thế giới Cực Lạc.

Bốn mươi tám nguyện tức bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Lại tìm tòi! Đây cũng chính là ý kiến của các tổ sư đại đức, nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám nói những gì? Mười niệm ắt sanh! Điều này nói lên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Nguyện thứ mười tám nói về danh hiệu: “*Lâm mạng chung thời, nhất niệm, thập niệm, tất sanh Tịnh Độ*” (Lúc lâm chung, từ một niệm đến mười niệm ắt sanh về Tịnh Độ). Do đây biết rằng: Cháp trì danh hiệu là trung tâm của bốn mươi tám nguyện này; bốn mươi tám nguyện chỉ nhằm giải thích công đức của danh hiệu. Kinh Vô Lượng Thọ giải thích bốn mươi tám nguyện, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giải thích kinh Vô Lượng Thọ. Cả một Đại Tạng Giáo, giáo pháp của Đại Tạng Kinh chính là hết thầy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm chỉ nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm đó thôi!

Có quan sát như vật quý vị mới hiểu danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, Thiện Đạo đại sư nói: “*Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian, chỉ nhằm để nói biến bốn nguyện của A Di Đà Phật*”. Lời nói này chẳng nhằm nói riêng về Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không nói “*sở dĩ Phật Thích Ca xuất hiện trong thế gian*” mà

nói là “*sở dĩ Như Lai...*”. Nói “*Như Lai*” nhằm chỉ chung mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai ứng hóa trong chín pháp giới của vô lượng vô biên cõi Phật, chỉ nhằm một chuyện, nhằm vào một đại sự nhân duyên: Giới thiệu Tịnh Độ của A Di Đà Phật với hết thảy chúng sanh, chỉ để như vậy mà thôi! Thật tuyệt diệu! Bởi vậy, chúng ta tin vào Di Đà nguyện lực thì mới có thể tin sâu xa công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu!

Nhất tâm trì danh ắt sanh về Tịnh Độ. Hãy nhớ kỹ trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp sanh từ tâm tướng), kể cả trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, tâm tướng là chủ tể. Tâm của quý vị chẳng lành thì thân thể và hoàn cảnh chung quanh cũng trở thành chẳng tốt đẹp. Thân và tâm phải tốt lành! Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy chúng ta: “*Thường niệm thiện pháp, tâm thiện; tư duy thiện pháp, ý thiện; quán sát thiện pháp, hạnh thiện*” (thường nghĩ đến thiện pháp là tâm thiện; tư duy thiện pháp là ý thiện; quán sát thiện pháp là hạnh thiện). Thuần thiện, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp thì chính là hạng người nào? Chính là Phật, là Như Lai. Chúng ta muốn làm Phật, muốn làm Như Lai thì không có gì khác cả, phải thuần tịnh, thuần thiện, nhất định chẳng để nhiễm ô mảy may, đó chính là điều tự mình có thể làm được. Người khác gây nhiễm ô cho chúng ta! Nếu chúng ta tiếp nhận mình thì mới bị nhiễm ô; không tiếp nhận sẽ chẳng thể nhiễm ô. Bởi thế, tự mình phải biết giữ gìn sự thanh tịnh và thuần thiện của chính mình, điều đó rất trọng yếu. Vì sao không làm?

Trong quá khứ không biết thì còn tha thứ được, nay chúng ta đã tiếp xúc Phật pháp nhiều năm ngàn ấy, đã biết rồi. Biết rồi mà quý vị không làm, sai trái là do chính mình! Không thể sốt sắng làm thì nói chung là có nguyên nhân, nguyên nhân gì vậy? Quý vị chẳng hiểu biết triệt để, chẳng biết rõ ràng. Vì thế, biết một phần, hiểu một nửa, bán tín, bán nghi, tạo thành chướng ngại, cho nên chẳng thể làm được! Nếu quý vị thực sự biết thì lẽ đâu chẳng thể làm được! Lẽ đâu chẳng vui thích làm! Không hề có, trong thế gian tìm đâu ra một con người như vậy? [Hiểu biết triệt để] sẽ có lợi ích vô lượng vô biên cho chính mình, chúng ta quả thật phải khéo suy nghĩ cẩn kỹ!

Trong đây lại có chân lý, chân lý gì vậy? “*Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dĩ*” (Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu ra rằng tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn). Câu này là chân lý đây! Tâm tánh của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn! Hư không do đâu mà có? Thế giới từ đâu mà có? Vô lượng vô biên cõi nước từ đâu mà có? Mọi loài chúng sanh từ đâu mà có? Do tâm hiện, thức biến! Tâm thuần tịnh thuần thiện, ngay cả thiện lẫn tịnh cũng chẳng có dấu vết, chẳng để lại dấu vết vì thuần mà! Trong Thức có thiện niệm, có ác niệm. Quý vị thấy trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức Tông, đức Phật nói trong Tâm Sở có Thiện Tâm Sở và Ác Tâm Sở.

Tâm Sở vô lượng vô biên, đức Phật quy nạp thành năm mươi một loại. Trong đó, Thiện Tâm Sở gồm mười một loại, Tâm Sở bất thiện là phiền não gồm hai mươi sáu loại. Nay chúng ta phải làm sao dẹp hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện qua một bên, không đếm xia đến chúng nữa, phải làm cho mười một Tâm Sở thiện được nảy nở, rạng rỡ. Nhất định phải vùi lấp, phải vượt qua hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện thì

chúng ta mới hòng thành công. Tâm tánh vốn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vấn đề là gì? Là giác, không giác thì mê, mê là phàm phu, giác là Phật, Bồ Tát. Phàm phu và Phật, Bồ Tát không hai, không khác, chỗ sai khác chính là giác hay mê khác nhau. Giác ngộ thì phàm phu thành Phật, chẳng giác ngộ bèn là mê hoặc, sẽ thành phàm phu, chuyện là như vậy đó. Lại xem tiếp đoạn sau:

“*Cụ thử thâm tín, phương năng phát u đại nguyện, kinh trung ‘ung đương’ nhị tự, tức chỉ thâm tín*” (Có đầy đủ lòng tin sâu xa ấy thì mới có thể phát đại nguyện, hai chữ “ung đương” (phải nên) trong kinh chỉ lòng tin sâu xa ấy). Trong kinh, đức Phật khuyên dạy chúng ta: “*Ung đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia), sách Yếu Giải nhắc đến hai chữ “*ung đương*” này. Vì thế, chúng ta hiểu rõ tuy chưa thể nói là triệt để, nhưng cũng là hiểu rõ kha khá. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới do đại nguyện và Chung Trí của A Di Đà Phật hiện thành, do tịnh nghiệp niệm Phật của chúng ta cảm vơi, cảm ứng đạo giao! Do tâm tánh của chính mình hiện, tức là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, hết thầy pháp chẳng tách rời tự tánh, [tự tánh] chính là tâm tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng do tâm tánh của chính mình biến hiện, do nghiệp như (nhiễm nghiệp) cảm thành. Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp cảm thành, do tịnh nghiệp “đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức với A Di Đà Phật” mà cảm thành. Nếu chúng ta chẳng dốc công phu vào ngay chỗ này thì là trật rồi! Bởi thế, hai chữ “*ung đương*” trong kinh chính là nói về lòng tin sâu đậm.

“*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*” (tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề). Từ trước đến nay chưa có ai giảng như vậy. Chúng ta thấy rất nhiều người niệm Phật thực sự vãng sanh, nhưng họ là hạng người như thế nào? Không biết chữ, về căn bản chẳng hiểu kinh giáo chi hết, họ biết niệm kinh A Di Đà, nhưng kinh A Di Đà có ý nghĩa ra sao, họ hoàn toàn không biết, chỉ biết niệm A Di Đà Phật, vẫn nghiêm nhiên vãng sanh. Vãng sanh thực sự có tướng lành, đứng mất, biết trước lúc đi, lúc nào A Di Đà Phật sẽ đến đón mình; hoặc ngồi mất, người ấy không biết chữ! Vì thế, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói muốn vãng sanh ắt phải có đủ điều kiện là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”, chúng ta biết: Đối với người ấy, một dạ chuyên niệm không có vấn đề gì, chúng ta có thể khẳng định điều này, nhưng người ấy chưa từng phát Bồ Đề tâm! Người ấy không phát Bồ Đề tâm, vì sao vẫn có thể vãng sanh? Tôi ôm nghi vấn ấy cả mười mấy năm, cứ nghi mãi. Về căn bản, bà lão niệm Phật vãng sanh kia chẳng biết Bồ Đề tâm là gì cả!

Khởi Tín Luận nói đến trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm; kinh Quán Vô Lượng Thọ nói đến chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm, bà cụ làm sao hiểu được những thứ đó, nhưng sao vẫn vãng sanh? Lúc đọc Yếu Giải, đọc đến đây tôi mới hiểu rõ. Một câu nói này của Ngẫu Ích đại sư trọng yếu hơn tất cả, nó đã ban cho chúng ta lời giải đáp. “*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*”. Về căn bản, người ấy không hiểu Vô Thượng Bồ Đề là gì, nhưng tin rất sâu, phát nguyện, không hoài nghi chút nào, đó chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Khi ấy, đọc tới câu này, tôi suy nghĩ mãi, càng nghĩ càng có lý, Ngẫu Ích đại sư giảng không sai lầm!

Bởi thế, những người ấy là Hạ Hạ Căn, chúng ta thường gọi là kẻ ngu, không có trí huệ, là người ngu, ngu ngốc nhất, chính là như cổ nhân thường nói “*ngu bất khả*

cập” (ngu không ai bằng), nhưng chúng ta thua xa họ. Họ cái gì cũng không biết, nhưng quý vị dạy họ, họ bèn tin, tin chân thành, tin tưởng thực sự, chẳng hoài nghi; dạy họ cầu sanh Tịnh Độ họ bèn thực sự phát nguyện, họ nghiêm nhiên buông thế gian này xuống, chẳng có mảy mảy lưu luyến nào! Kết quả: Niệm Phật đăm ba năm bèn thành công. Thọ mạng vẫn còn, nhưng họ không cần đến nữa, bèn vãng sanh. Bởi thế, đến đây chúng ta mới thực sự hiểu rõ: “*Tin sâu, phát nguyện*” chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Quý vị thấy họ đáp ứng tiêu chuẩn “*tin sâu, phát nguyện, một dạ chuyên niệm*”. Bản thân chúng ta vẫn hiểu lơ mơ, vẫn ngờ vực, lo âu trùng trùng, công phu không đắc lực. Những ông già bà cả kia chuyện gì cũng không hiểu, nhưng công phu đắc lực, nay ta gọi là “*tập trung tinh thần, tập trung ý chí*”, nên có sức mạnh to lớn! Tập trung vào đâu? Tập trung nơi thế giới Cực Lạc, tập trung nơi A Di Đà Phật, phát sanh năng lượng to lớn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật!

Mấy hôm trước, pháp sư Ngô Bình hạ tải (download) từ Internet xuống một vài văn kiện. [Theo những văn kiện đó], đại khái ở Đài Loan có bốn, năm trường tiểu học, thầy hướng dẫn học trò làm thí nghiệm: Dùng thiện ý, bất thiện ý và thái độ không thèm quan tâm để thử tác động lên thực vật và một số vật; dùng ba thứ đề mục đó để trắc nghiệm thực vật, trắc nghiệm hiệu quả đạt được. Thầy trò hết sức kinh ngạc [trước kết quả thu được]. Ông Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, còn trong bản báo cáo này, tại Đài Loan họ dùng hoa lan, ba giò hoa lan. Đại khái hình dạng lớn nhỏ không khác nhau chi mấy, chọn mỗi giò hoa xong, treo bên cửa để học sinh mỗi ngày ba lượt, chia thành mấy tổ: một tổ thiện ý, một tổ ác ý, một tổ chẳng thèm quan tâm, tức là mặc kệ không để ý đến.

Thiện ý là nói với hoa: “*Hoa đẹp lắm, tôi rất thích hoa*”, khen ngợi nó một ngày ba lần; bảo những học trò tham gia tổ ấy mỗi ngày ba lần bày tỏ thiện ý với hoa. Tổ bất thiện ý thì nói: “*Tao chán ghét mày quá, tao không thích mày! Mày xấu xí quá đi!*”, nói như vậy đấy. Độ mấy ngày sau, hoa được đối đãi bằng thiện ý chẳng thay đổi, rất thơm. Hoa bị đối xử ác ý dần dần héo rụi, không còn mùi thơm nữa. Còn hoa không được quan tâm đến thì bắt đầu tàn tạ, mục nát ra. Hoa thực sự có thể nghe, có thể tiếp nhận ý tưởng của con người. Họ thí nghiệm với “*mạn đầu*”³, cũng dùng phương pháp trên đối với ba cái mạn đầu nhỏ. Kết quả là cái mạn đầu được đối xử bằng thiện ý, hai tuần lễ vẫn không bị biến đổi; thật đấy! Tợ hồ thiện ý là một loại thuốc chống mục nát vậy. Đối xử bằng ác ý thì mạn đầu bị biến hóa, mùi vị rất khó ngửi. Cái mạn đầu không được quan tâm đến cũng dần dần bị biến hoại.

Bọn họ dùng chuối, táo, dùng rất nhiều thứ khác. Lại còn dùng giá đậu, đậu xanh đã được ủ cho nảy mầm thành giá. Dùng thiện ý đối xử, mầm giá mọc rất khỏe. Đối xử bằng ác ý, giá mọc rất chậm. Nếu không quan tâm đến, nó bèn chết khô. Họ nhận ra các loài thực vật, ngay cả bánh mạn đầu cũng hiểu được ý nghĩa của con người, đều có thể tiếp nhận hết. Trên thực tế, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: Bất luận loại vật chất nào cũng đều có linh tri. Thiền sư Trung Phong gọi cái tâm này là “*linh tri tâm*”. Linh tri tâm chính là bản thể của hết thảy vạn sự vạn vật, Thể là linh tri.

Vì thế, mỗi tế bào trên thân thể chúng ta, mỗi một sợi lông đều có thể thấy, nghe, cảm nhận, hay biết, đừng tưởng chúng vô tri. Những bậc chân nhân thổ dân Úc

³ Tức “*mần thầu*”, một loại bánh bao không nhân. Vùng Hoa Bắc thường dùng để ăn thay cơm.

Châu hiểu được điều này; bởi vậy, lúc họ trị bệnh, về căn bản là chẳng dùng đến thuốc men. Họ cho rằng khi mình bị thương ở chỗ nào thì trò chuyện cùng với những tế bào chung quanh vết thương, dùng thiện ý an ủi chúng, dần dần chúng sẽ khôi phục bình thường, tự nhiên khôi phục bình thường. Lúc bị thương chúng bị chấn động, kinh sợ, kinh hoảng nên trật tự bị rối loạn, không bình thường, nên chúng ta thấy chúng bị tổn thương. Nếu làm cho mỗi tế bào khôi phục bình thường thì chúng hết khủng hoảng, sẽ trở lại bình thường, rất hợp lý! Chẳng cần dùng đến thuốc men! Trên thân quý vị, chỗ nào bị đau nhức, chẳng thoải mái, chỗ đó nhất định phát sanh vấn đề, chúng ta phải mau điều hòa, giải trừ, an ủi nó, khiến cho nó được khôi phục bình thường thì quý vị sẽ hết bị đau nhức.

Mọi người cảm thấy [nói như vậy] quá thần kỳ, chú trọng Phật pháp, đạo lý này được giảng rất thấu triệt: Nhỏ là một thân, lớn là toàn thể vũ trụ, vũ trụ phải hài hòa. Vì thế, yêu thương và cảm ơn, cảm tạ chính là vũ trụ hài hòa. Hài hòa là nhân tố chẳng thể khuyết thiếu của sanh mạng vũ trụ. Sở dĩ Phật có thể thành Phật, sở dĩ Pháp Thân Bồ Tát có thể thành Pháp Thân Bồ Tát, không có chi khác cả, tôi thường nói: *“Chân thành trọn khắp hư không pháp giới, thanh tịnh, bình đẳng trọn khắp hư không pháp giới, chánh giác từ bi trọn khắp hư không pháp giới”*. Nói cách khác, tâm thương yêu trọn khắp hư không pháp giới, lòng cảm ơn trọn khắp hư không pháp giới. Ta gọi những vị như vậy là chư Phật Như Lai, là Pháp Thân Bồ Tát. Đáng thương hại thay! Tâm lượng chúng ta quá nhỏ nhen!

Nay từ những thí nghiệm ấy, chúng ta biết được tình hình trên, kinh Lăng Nghiêm đã từng giảng tình hình ấy như sau: *“Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể”* (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện. Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần do tâm mà thành Thể). Tâm là linh tri, tâm là kiến văn giác tri. Bởi thế, mỗi một vật thể, dù nhỏ tí như vi trần cũng đều có thể thấy, có thể nghe; ta có thể nói là chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể hay, có thể biết. Nhà khoa học Giang Bồn Thắng dùng phương pháp khoa học để quan sát nước kết tinh bằng kính hiển vi, là một khởi đầu tốt đẹp hòng làm cho mọi người trong hiện tại nhận biết, dần dần qua thí nghiệm, [chứng thực] hết thấy vạn vật quả thật đều có thể nghe và thấy, đều có thể tiếp nhận năng lượng và tín hiệu từ con người. Chúng ta có thiện ý, chúng sẽ hồi đáp hết sức tốt đẹp.

Chúng ta muốn thân thể của chính mình mạnh khỏe thì phải dùng thiện ý đối với mỗi một khí quan và mỗi một tế bào trên toàn thân. Thân chúng ta giống như một quốc gia, ý niệm của ta giống như ông Tổng Thống. Mỗi một tế bào giống như nhân dân trong nước. Quý vị phải dùng thiện ý đối xử với họ thì quốc gia mới cường thịnh, đạo lý là như vậy đấy! Dùng thiện ý để đối xử với mỗi một khí quan hay mỗi một tế bào trên thân chúng ta thì thân thể mạnh khỏe, cường tráng. Nếu hoài nghi một khí quan nào đó nơi thân: ‘Bao tử mình không tốt, chỗ này chỗ nọ không khỏe!’ Ái chà! Quý vị khởi ý niệm bất thiện đối với chúng, chúng bèn yếu đi. Quý vị có hiểu đạo lý này chẳng? Đạo lý này đã được đức Phật đã giảng trong các kinh Đại Thừa, hy vọng các nhà khoa học sẽ dần dần thí nghiệm để khẳng định, chúng tôi tin rằng [những thí nghiệm ấy] không khó đâu, chúng ta đều có thể chứng thực được.

Hiểu được đạo lý này, nếu quý vị muốn cầu thế giới hòa bình thì không có gì khác cả: Dùng thiện ý đối đãi hết thấy tất cả chúng sanh trên thế giới! Chẳng những

đôi với mọi người trên toàn thế giới, mà đôi với hết thủy động vật, hết thủy thực vật, hết thủy khoáng vật, sơn hà đại địa trên toàn thế giới đều đối đãi bằng cái tâm thuần thiện, thuần tịnh thì thế giới này sẽ an định, hòa bình, hưng vượng, có thể chuyển thế giới Sa Bà thành thế giới Cực Lạc. “Sự thành do người”, người nào vậy? Phải là người giác ngộ mới được! Quyết định chẳng có tâm toan tính riêng tư thì hết thủy sẽ hóa thành rộng lớn, không có tư tâm, không có dục vọng. Nay chúng ta hiểu được mỗi một khí quan trên toàn thân là do các tế bào hợp thành; cái thân này của chúng ta là một tiểu thế giới, bên ngoài là đại thế giới. Tiểu thế giới và đại thế giới là một, không hai. Đây là Phật pháp, là pháp giác ngộ chân chánh. Đoạn tiếp theo nói:

“Hợp thử tín nguyện tức vi Tịnh Độ chỉ nam, do thử chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh” (Tín và nguyện này hợp lại chính là kim chỉ nam của Tịnh Độ, do đây mà chấp trì danh hiệu thì đây là chánh hạnh). Bởi vậy, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời đại hiện tại, chẳng cần phải cất đạo tràng to, mà lập đạo tràng nhỏ, số người cùng tu chẳng được quá hai mươi người, nhất tâm trì danh niệm Phật, cầu sanh về Tịnh Độ, ai nấy đều thành tựu. Không hóa duyên, không làm pháp hội, chẳng làm kinh sám Phật sự, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng thọ đệ tử, niệm Phật tu hành tốt đẹp; ngay cả kinh cũng không giảng. Tôi thêm giảng kinh vào. Vì sao thêm giảng kinh vào? Là vì nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ có nghi hoặc, tin sâu, phát nguyện rất khó. Chúng ta không phải là kẻ hạ ngu; kẻ hạ ngu thì được, họ lợi hại hơn chúng ta nhiều lắm!

Chúng ta lại chẳng phải là thượng trí, vừa không phải là hạ ngu, lơ lửng ở giữa, trên không thấu, dưới không đến, nghi vấn đặc biệt nhiều. Nếu quý vị chẳng chú trọng nhờ vào kinh giáo để đoạn nghi sanh tín thì *“tin sâu, phát nguyện”* sẽ không có, công phu chẳng đắc lực. Nay chúng tôi giảng những kinh giáo cũng chẳng có gì khác, hoàn toàn quy về Cực Lạc! Giảng kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng ra ngoài lẽ ấy, nhất định phải giảng đại đạo lý chân tướng của nhân sinh và vũ trụ cho rõ ràng, cho minh bạch thì chúng ta mới đoạn trừ nghi hoặc được, chết sạch lòng so đo, mong ngóng, khiêm hư sát đất tin sâu, phát nguyện. Như vậy thì mới tương ứng với một câu Phật hiệu, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Vì thế, đây là Chánh Hạnh. Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng: *“Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệt quyết đắc sanh”* (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết định được vãng sanh). Trước hết, chúng tôi nói một câu: Từ xưa, tổ sư đại đức công nhận nguyện thứ mười tám là thù thắng nhất, là lời răn dạy thù thắng khôn sánh; nhưng điều kiện là *“tín nguyện kiên cố”*: Tín tâm quyết định không nghi hoặc, *“nguyện sanh”* (nguyện được vãng sanh) là nguyện vọng, suốt một đời này chỉ có một nguyện vọng này; trừ nguyện vọng này ra, không có nguyện vọng nào khác cả! Đơn thuần như vậy, kiên định như vậy, lâm chung niệm mười câu Phật hiệu, hoặc niệm một câu Phật hiệu, quyết định được vãng sanh. Chữ *“quyết”* này hết sức trọng yếu, khẳng định! Một chút nghi hoặc cũng không có, sẽ quyết định được vãng sanh.

Nhưng ở đây, quý vị phải hiểu: Thật ra, không phải ngẫu nhiên đâu nhé! Ngàn vạn phần chẳng được nghĩ vì đoạn kinh văn này được tổ sư đại đức coi trọng, tán thán dường ấy, chúng ta bèn nảy sanh lòng cầu may: “Nay mình không niệm Phật, chẳng tu hành cũng không sao! Đến lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh”. Hễ có tâm lý cầu may như thế thì là hoàn toàn thất bại rồi. Ở phần trên tôi đã thưa cùng quý vị rồi đó, phải thường xuyên ghi nhớ, chớ quên: Lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh thì nhất định phải hội đủ ba điều kiện. Lúc lâm chung quý vị có thể hội đủ ba điều kiện ấy hay chẳng?

1) Điều thứ nhất, lúc lâm chung thần trí phải sáng suốt, không mê hoặc tí xú nào. Đó là điều kiện đầu tiên. Cả đời người chẳng thể không tu phước, chớ nên tạo tội nghiệp. Người Hoa nói có năm thứ phước báo, “*ngũ phước lâm môn*”, trong năm thứ phước ấy, quan trọng nhất là phước sau cùng. Phước sau cùng là phước gì vậy? Chết tốt lành! Lúc chết tỉnh táo, sáng suốt, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo, đây là phước báo lớn nhất, là phước báo chân thật nhất. Vì sao? Nó ảnh hưởng đến đời sau của quý vị. Nếu lúc ấy, gặp được người niệm Phật dạy quý vị niệm Phật, quý vị thành Phật rồi! Trong năm phước, bốn thứ phước đầu không thật, chỉ là sự hưởng thụ trong một đời này, trong nhà Phật gọi [những phước ấy] là “hoa báo”, phước cuối cùng (chết tốt lành) là quả báo. Một đời hành thiện tích đức, dùng thiện tâm, thiện sự đối đãi hết thầy người, sự, vật, đối đãi thiên địa quỷ thần; lúc lâm chung sáng suốt, minh bạch, tâm không điên đảo, không tán loạn, lúc ấy niệm một niệm hay mười niệm mới có thể vãng sanh. Bởi thế, lúc ấy phải có người cảnh tỉnh quý vị, sợ quý vị quên mất. Như vậy, điều kiện thứ nhất là thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên.

2) Điều kiện thứ hai là có người cảnh tỉnh quý vị.

3) Điều kiện thứ ba là quý vị có thể tiếp nhận. Người ta cảnh tỉnh bèn lập tức tiếp nhận, liền quyết tâm, tín nguyện lập tức kiên định, cầu sanh về Tịnh Độ chắc chắn được vãng sanh.

Quý vị hãy nghĩ xem lúc lâm chung mình có thể hội đủ ba điều kiện này hay chẳng? Quan trọng nhất là điều kiện đầu tiên, quý vị phải có phước báo. Chúng tôi thấy rất nhiều thân thích bằng hữu, lúc họ sắp mất, chúng tôi đến đưa đi, có người khi bệnh chuyển nặng, không còn biết gì hết, chẳng nhận biết được ai, vậy là hỏng bét! Đáng sợ lắm! Lúc lâm chung chẳng biết gì hết, mê hoặc, điên đảo, sẽ lưu chuyển theo nghiệp, đáng sợ nhất là chuyện đó! Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức để làm gì? Để cầu lúc lâm chung ra đi sáng suốt rõ ràng, minh bạch, rành rẽ. Không học Phật, không biết vãng sanh Cực Lạc thế giới thì cũng quyết định sanh vào đường lành. Quý vị hãy nghĩ xem: Con người sáng suốt, minh bạch rành rẽ ấy có thành nạ quỷ, có thành súc sanh được chẳng? Chẳng thể nào! Phàm những kẻ đọa vào ba ác đạo đều chết một cách mê muội, hồ đồ! Trong tam ác đạo có quỷ thần dẫn dụ, mê hoặc, quý vị không biết đó là sai trái, thấy rất hợp ý mình, lôi kéo tham - sân - si - mạn, dẫn khởi phiền não tập khí của chính mình, đọa lạc liền! Hết sức đáng sợ!

Bởi thế con người phải tu phước, biết tu phước, biết làm lành, chúng ta đều nhìn từ duyên, nhìn từ bên ngoài, không dễ gì làm được! Xin giảng sâu thêm một tầng nữa: Người thập niệm vãng sanh trong quá khứ đã tu tập, tích lũy thiện căn sâu dày, đó là cái nhân chân thật! Thiện căn tu tập, tích lũy trong bao kiếp, nhưng trong một đời này không gặp được thiện duyên, không gặp được Phật pháp. Nếu người ấy sớm

gặp được Phật pháp thì thiện căn trong A Lại Da Thức đã sớm dẫn khởi, phát khởi tác dụng, người ấy nhất định là một người tu hành rất tốt đẹp, hay là một vị thiện tri thức rất tốt. Trong đời này không có duyên, không có duyên tiếp xúc với Phật giáo, không có duyên dẫn phát thiện căn. Trong một sát-na lúc sắp mạng chung, trong thời gian ngắn ngủi ấy, gặp được thiện tri thức vừa cảnh tỉnh, vừa chỉ dạy cho biết Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp vừa khuyên lon, kẻ ấy vừa nghe thì thiện căn trong A Lại Da Thức bèn phát hiện, lập tức tin tưởng, bèn có thể tiếp nhận, bèn có thể phát nguyện, niệm Phật theo mọi người.

Tại Washington DC chúng ta đã thấy ông Châu Quảng Đại là một trường hợp như vậy. Ba ngày trước khi ông ta vãng sanh, tận cho đến lúc vãng sanh, thần trí ông sáng suốt, không mê hoặc tí nào, chẳng có chút gì tán loạn, dặn dò mọi người trong nhà cùng niệm Phật giúp ông. Thân thích, bằng hữu đến thăm đều niệm A Di Đà Phật, vui sướng lắm! Tuy bệnh rất nặng, cõi lòng ông rất sung sướng, bởi lẽ, niệm Phật giảm thiểu bớt đau khổ, không đau đớn nữa, ông ta kêu mọi người đều niệm Phật giúp ông, niệm ba ngày rồi mất. Có tướng lành! Không biết là đồng học trong Tịnh Tông Học Hội, hay là thân thuộc trong gia đình ông ta, thấy Phật đến tiếp dẫn, thấy tướng lành như sau: Thấy quang minh, ngửi thấy mùi thơm. Hình như có một người thấy Phật đứng trên nóc nhà, thấy như vậy đó! Tướng lành hy hữu sao!

Chúng ta không biết trong đời quá khứ mình có túc căn hay không, chính mình không biết, nhưng nếu chú tâm quán sát trên mặt dấu vết, chúng ta sẽ có thể thấy được. Nếu trong đời quá khứ thực sự có thiện căn thì trong đời này người ấy khá hiền lành; chúng ta thường gọi là “người có lương tâm”, chẳng hại người. Đó đều là hiện tượng chứng tỏ thiện căn sâu dày. Biết cảm thông với người khác, giúp đỡ những người khổ nạn là trong quá khứ từng có thiện căn! Có thể bỏ mình vì người, biết nghĩ đến đại cuộc, đó đều là hình tướng được biến hiện bởi thiện căn và trí huệ. Chúng ta lắng lòng quán sát sẽ biết ngay. Quan trọng nhất vẫn là chính mình phải nỗ lực tu hành, chú trọng tín nguyện kiên cố, tín - nguyện - giải - hạnh tương ứng với Phật. Lại xem tiếp đoạn dưới:

“Nhuộc vô tín nguyện, túng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thập, như đồng tường thiết bích tương tự, diệc vô đắc sanh chi lý. Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã” (Nếu không có tín nguyện thì dù có trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tạt chẳng ướt, giống hệt như tường đồng, vách sắt, cũng không lẽ nào được vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này). Chúng ta phải hiểu rõ đoạn này: Tín tâm nếu lúc có, lúc không, có lúc tự hồ tin, có lúc lại hoài nghi, nguyện chẳng khẩn thiết. Nguyện chẳng khẩn thiết là vì lẽ nào? Không buông danh vãng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần của thế gian này xuống được! Tín nguyện kiên cố thì bất cứ sự gì trong thế gian cũng buông xuống được, chẳng phải đến lúc mạng chung mới buông xuống, mà buông ngay trong hiện tại. Chúng ta phải hiểu lý sự này, những việc trong hiện tại có cần phải làm hay không? Phải làm chứ! Trong thế gian này, tuy chúng ta hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh, những việc gì nên làm chúng ta đều tích cực nỗ lực làm, nhưng trong tâm không vướng mắc! Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu trong tâm niệm niệm không quên.

Thực sự đầy đủ tín nguyện trì danh, cổ đức gọi phương pháp niệm Phật như vậy là *“bất hồi hướng pháp môn”*. Vì sao gọi là “bất hồi hướng?” Không dùng đến hồi

hướng! Mục đích của một câu A Di Đà Phật đối với ta là để cầu sanh về Tịnh Độ, cho nên niệm niệm đều là hồi hướng, trì danh và hồi hướng hợp thành một. Chúng ta chẳng cầu bất cứ gì dù thế gian hay xuất thế gian, ta chỉ có một niềm cầu nguyện là cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Di Đà, nguyện vọng như vậy đó. Bởi thế, gọi là “*bát hồi hướng pháp môn*”.

Bậc thiện tri thức trong Niệm Phật Đường thường dạy chúng ta hồi hướng để làm gì? Để nhắc nhở quý vị, sợ quý vị quên mất, nhằm ý nghĩa này! Hồi hướng, phát nguyện không phải là nói với Phật mà là để thường tự nhắc nhở chính mình, phải biết chính mình niệm Phật để làm gì? Tu hành để làm gì? Ta đoạn ác tu thiện để làm gì? Ăn chay, niệm Phật để làm gì? Bồ thí, cúng dường để làm gì? Quyết định chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng thế gian, quyết định chẳng cầu phước báo nhân thiên, chỉ cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cầu sớm có ngày thấy được A Di Đà Phật. Bởi thế, pháp môn này gọi là “*bát hồi hướng pháp môn*”. Dành trọn thời gian niệm kệ hồi hướng để niệm Phật hiệu, tín - nguyện - giải - hạnh của ta (hạnh bao gồm cả hồi hướng) đều gộp trong một câu Phật hiệu. Đó gọi là thuần tịnh, thuần thiện. Tâm địa thanh tịnh, thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống.

Vậy thì nếu tín nguyện có vấn đề, bán tín, bán nghi, có lúc muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có lúc không muốn đi, có tâm thái như vậy thì niệm Phật “*túng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như đồng tường thiết bích tương tự*” (Dấu chấp trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt, giống hệt như tường đồng vách sắt), mấy câu này hình dung: Dù quý vị niệm một câu Phật hiệu rất giỏi, cổ đại đức nói một ngày niệm mười vạn tiếng hay niệm hai mươi vạn tiếng, tâm - miệng chẳng tương ứng, cho nên rách toạc cổ họng cũng uống công. Vì sao? “*Diệc vô đắc sanh chi lý*” (cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh). Quý vị chẳng thể vãng sanh vì quý vị niệm Phật mà tâm và miệng chẳng tương ứng, tâm là gì? “Tâm” chỉ cho tín và nguyện. Quý vị không có tín, chẳng có nguyện. Tin chẳng chân thành, nguyện chẳng thiết tha thì niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Niệm Phật như thế nào mới có thể vãng sanh? Niệm Phật thế nào sẽ chẳng thể vãng sanh? “*Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã*” (Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết vậy). Chúng ta phải nghiêm túc suy nghĩ, nhất định phải loại trừ những nhân tố khiến cho mình chẳng được vãng sanh, phải sửa đổi, nhất định phải thực sự đáp ứng những điều kiện để được vãng sanh.

“*Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh tụng thị Vô Lượng Thọ Kinh), diệc dĩ phát Bồ Đề tâm vi yếu, chánh đồng thử kinh*” (Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh là kinh Vô Lượng Thọ) cũng lấy phát tâm Bồ Đề làm chủ, chính là giống với kinh này), lấy phát Bồ Đề tâm làm sự việc trọng yếu. Quý vị xem trong kinh Đại Bản A Di Đà hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) và Chánh Nhân Vãng Sanh chuyên giảng về những điều kiện cần phải hội đủ để được vãng sanh. Chúng ta có đủ những điều ấy hay không? Nếu không có đủ, phải gấp tu đi; đã đủ rồi thì phải gìn giữ, vĩnh viễn chẳng để bị mất đi. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh, trong mỗi đoạn đức Phật đều nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” (phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm). Một phương hướng, một mục tiêu, quyết định chẳng được tam tâm, nhị ý.

Có một lần đứng vào lúc bệnh dịch SARS lan tràn khắp thế giới, tôi nghe nói hình như ở Úc Châu có một bài phát biểu cho biết chứng cảm mạo viêm phổi này

rất bình thường, nhưng làm cho mọi người hoảng loạn, là do hệ thống truyền thông gây ra. Nếu truyền thông không đăng tin, ai biết? Bởi thế, chuyện này vừa phát sanh, có người đến hỏi tôi, tôi nói chuyện này bình thường, năm nào cũng có. Trời vừa cuối Xuân sang Hạ, hoặc khi cuối Thu chớm Đông, nhằm lúc đổi mùa thì trúng gió cảm mạo, bệnh truyền nhiễm lây lan thường phát sanh trong những lúc ấy, năm nào cũng có. Từ xưa đến nay, trong lịch sử Trung Quốc, ngoại quốc đều ghi nhận, chúng ta thấy rất nhiều, là chuyện rất bình thường. Nay chúng ta học Phật hiểu được đạo lý sau: Tâm thiện, hạnh thiện, ý niệm thiện thì những bệnh khuẩn (bacteria), bệnh độc (virus) ấy ta đều hóa giải được hết.

Lúc đó, tôi cứ tưởng bệnh dịch ấy nhiều lắm chừng một tháng là hết, nếu dài lắm cũng chừng một tháng rưỡi mà thôi, nay nó kéo dài đã hơn ba tháng, là do con người tạo nên như vậy. Từ các thí nghiệm (những bản báo cáo thí nghiệm này do các đồng học hạ tải từ Internet), chúng ta biết là chính mỗi cá nhân chúng ta đã đem những tin tức bất thiện truyền báo cho các vi khuẩn biết, khiến chúng cũng bị truyền nhiễm những ý niệm bất thiện của chúng ta. Chúng ta muốn giết chết, muốn tiêu diệt nó. Lúc truyền cho chúng nó những ý niệm ấy, chúng bèn biến đổi, càng biến đổi càng độc địa hơn. Vì sao? Chúng cũng phải tự bảo vệ mình chứ! Có phải càng thêm phiền phức hay không? Giống như trên thế giới đang chạy đua vũ trang càng ngày càng nghiêm trọng hơn. Nếu chúng ta dùng thái độ rất ôn hòa, thái độ thiện ý để đối xử với chúng, quý vị thấy ở Trung Quốc từ xưa đến nay, đối với những loại virus hoặc những vi khuẩn có chất độc, người Trung Quốc nói “giải độc”, tức là hóa giải! Còn người Tây Dương nói sao? Tiêu độc! “Tiêu” là tiêu diệt, ý niệm khác hẳn nhau!

Bệnh truyền nhiễm này đã phát sanh, đối địch con người, nếu gây chiến với nó thì rắc rối nằm ở chỗ đối lập. Chuyện đối lập phiền phức nhất. Làm thế nào để hóa giải? Đối với đạo lý này, người học Phật chúng ta hiểu rõ lắm: Những bệnh khuẩn (bacteria) này cũng sanh từ tâm tưởng, cũng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, làm sao có thể vượt ra ngoài tâm tánh cho được? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến đều là tốt cả. Nói cách khác, nó cũng có quyền sanh tồn, nay chúng ta gọi là “nhân quyền”, vi khuẩn có “khuẩn quyền”, chúng ta phải hiểu điều ấy. Chúng ta phải yêu thương, che chở chúng, chúng ta phải chăm sóc chúng, sanh mạng của chúng không dài! Chúng ta biết thời gian sanh tồn của vi khuẩn chẳng thể lâu hơn mười ngày, sao lại phải hận thù đến vậy? Bởi thế, muốn hóa giải thì phải dùng thiện ý để khen ngợi, chúng nó sẽ bị hóa giải, không tổn thương con người nữa. Điều này thật có lý! Quyết chẳng thể dùng ác ý, quyết chẳng thể đối địch cùng chúng nó.

Như vậy, từ cách đối xử với những vi khuẩn tí ti, chúng ta mở rộng ra đối với hết thảy người, hết thảy thế gian phải nhu hòa, nhẫn nhục như thế nào? Căn bản nhất vẫn là phải ngưng dứt tham, sân, si. Tham, sân, si được gọi là ba độc, điều này tôi đã nói từ lâu. Có người hỏi tôi: “Virus SARS từ đâu mà có?” Tôi bảo người ấy: “Từ ba độc mà có”. Những loài vi khuẩn ấy vốn không độc, vì sao trở thành độc? Là vì tham, sân, si của chúng ta truyền qua chúng, chúng cảm nhận cái độc nên biến thành độc. Chúng ta biến chúng thành độc, chúng lại truyền cái độc ấy cho chúng ta, hai bên cùng bị hại! Hiểu được đạo lý này rồi thì chúng ta hóa giải bằng cách nào? Phương pháp hóa giải thì trước hết là phải hóa giải tham - sân - si, cảnh giới bên ngoài không còn tham - sân - si nữa, ba độc cũng không còn nữa.

Nhưng con người hiện tại chẳng thể tiếp nhận đạo lý này, con người hiện thời tin vào khoa học, chẳng tin Phật học, tin vào những khoa học gia hiện thời, không tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Do vậy, tôi thường nói: Ngày nay thế giới loạn như vậy, con người khổ sở như vậy, truy tầm tới cội rễ thì là gì? “*Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiên*” (Chẳng nghe lời người già, chịu thiệt thòi trước mắt). Kinh nghiệm và trí huệ của cổ thánh tiên hiền được tích lũy trong ngàn vạn năm, quý vị coi không đáng một đồng ư? Dùng bốn chữ “không hợp khoa học” để sỗ toẹt hết thì quý vị phải chịu khổ, phải mắc nạn. Bởi thế, người thầy thuốc - thầy thuốc Tây phương hiện thời tôi không biết rành lắm - tôi biết thầy thuốc thời cổ Trung Quốc, tức Trung Y, hầu như trong nhà mỗi thầy thuốc đều thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, phổ biến nhất! Nhà nhà Quán Thế Âm Bồ Tát, thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, học theo hạnh đại từ đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát. Đúng là từ bi cứu thế, ôm tấm lòng cứu người, chẳng vì danh lợi của chính mình, chẳng phải vậy! Vì cứu người mà thôi!

Bởi thế, khi chẩn bệnh cho người ta, nhất định chẳng nói tới chuyện tốn bao nhiêu tiền, không hề có! Thầy thuốc không phải là buôn bán kiếm lợi, trị lành bệnh rồi; người ta đền đáp, tùy hỷ cúng dường quý vị. Người ta giàu có, quý vị được tặng nhiều một chút, nhà bần cùng thì người ta cho ít đi một chút. Thậm chí hoàn toàn không có gì, thầy thuốc còn phải bố thí thuốc men và chăm sóc! Bởi thế, địa vị người thầy thuốc ở Trung Quốc rất cao, đại chúng xã hội hết sức tôn kính, họ là những nhà đại từ thiện. Ở Trung Quốc, có hai hạng người được tôn kính nhất thì thứ nhất người đọc sách, theo đuổi công việc giảng dạy; thứ hai là thầy thuốc; bởi lẽ hai hạng người này đều hy sinh phụng hiến cho xã hội.

Dạy học chẳng hề thu nhận học phí. Thu học phí thì còn ai muốn theo học nữa! Không lão phu tử dạy dỗ không phân biệt, bất cứ ai chỉ cần thích học thì cứ việc đến. Học trò dâng thầy một chút lễ vật, chúng ta thấy trong sách Luận Ngữ ghi lễ vật rất đạm bạc: “*Thúc tu*” (束脩). Thúc Tu là gì? Người Hoa trong lục địa (Trung Quốc lục địa) gọi [“thúc tu”] là “*lap nhục*” (thịt muối). Cắt một lát thịt muối dâng biểu thầy, biểu thị lòng tôn kính đối với thầy, ngoài ra không có gì khác nữa. Thầy dạy học hết sức nghiêm túc, đâu biết đến học phí! Bởi thế, người dạy học cuộc sống rất thanh bần, bởi chính mình chẳng theo đuổi sự nghiệp có lời, học trò cung phụng thầy rất đơn bạc. Cuộc sống vật chất của người thầy rất khổ, nhưng cuộc sống tinh thần rất thoải mái, rất sung sướng, được hưởng niềm vui giáo dục những bậc anh tài trong thiên hạ. Đây là sự sung sướng bậc nhất trong thế gian.

Thầy có học vấn, có trí huệ, có năng lực, có thể sống đời sung sướng hơn một chút, vì sao cam chịu sống bần cùng? Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt, cả đời khát thực, thân giáo đầy! Con người nếu cam tâm tình nguyện sống cuộc đời khổ sở như thế thì xã hội này an định, thế giới hòa bình. Điều đó nói lên điều gì? Không cần tranh giành! Đâu đâu cũng phải học lùi bước, nhường nhịn chính là nhân tố thực sự khiến cho xã hội an định, thế giới hòa bình. Nếu chẳng biết nhường nhịn, lùi bước, đâu đâu cũng phải cạnh tranh thì thế giới này vĩnh viễn chẳng thể hòa bình được, có hòa bình cũng là giả, không thật! Muốn thực sự đạt đến hòa bình thì nhất định phải sống cuộc đời thanh bần, sống hết sức sung sướng. Chỉ cần ăn no, mặc ấm là đủ, chớ nên cầu xa xỉ quá phận. Mong cầu xa xỉ quá phận sẽ gây rắc rối cho xã

hội. Mọi người hãy nghĩ đi: Quý vị muốn bắt cứ chỗ nào, bắt cứ điều gì đều đạt được, thì người khác cũng mong như thế. Tài nguyên trên địa cầu là hữu hạn, ai nấy đều tranh giành, thềm muốn, sẽ biến thành đấu tranh, biến thành chiến tranh. Phải hiểu đấu tranh và chiến tranh là đôi bên kết mỗi oán cừu, mỗi oán cừu ấy chẳng thể giải quyết xong trong một đời, đời đời kiếp kiếp vẫn chưa xong.

Hiện nay trên mạng Internet cũng có đăng tải những tin tức như vậy: Ở ngoại quốc đã chứng minh con người sau khi chết đi quả thật có linh hồn tồn tại. Ở ngoại quốc cũng đã có bác sĩ làm thí nghiệm: Đại đa số là những người bị bệnh tim phát ra đột ngột, chết đi, bác sĩ tuyên bố người ấy quả thật đã chết, ngưng trị liệu. Nào ngờ một hai hôm sau, người ấy tỉnh lại, mọi người cảm thấy hết sức kinh ngạc. Người bệnh tỉnh rồi bèn hỏi: “Lúc ông chết rồi còn có hay biết gì không? Thấy được những gì?” Tra vấn như vậy, có hơn sáu mươi trường hợp như thế, có khoảng bảy tám người trong số hơn sáu mươi người tỉnh dậy đó hiểu biết rất rõ ràng. Kinh nghiệm của mỗi người khác nhau, nhưng có cùng một điểm là họ đều thấy ánh sáng, thấy người nhà quyến thuộc toàn là những người đã mất từ lâu đến chỉ dẫn họ; có người còn thấy thiên sứ (angel).

Từ những cuộc khảo sát chứng thực ấy, ta thấy người chết đi không phải là hết, khiến cho những bác sĩ và các nhà khoa học càng nghiên cứu sâu hơn nữa. Hiện tại, báo cáo của những cuộc nghiên cứu như vậy ở ngoại quốc rất nhiều. Đời trước, đời này! Rất nhiều người nghiên cứu, nay họ thực sự tin tưởng con người có thân thể, có tâm, nhưng cái tâm ấy thật ra là Duyên Lự Tâm. Họ còn nói có “linh” (spirits), linh là quỷ thần, thuộc vào những chiều không gian khác. Tuyệt đối chẳng phải là con người chết đi thì hết thấy đều hết. Không phải vậy, quả thật là có quá khứ, có vị lai. Đã có quá khứ, vị lai thì tư tưởng, ngôn hạnh trong một đời này chẳng thể không cẩn thận, chớ nên đắc tội với người khác. Người khác đắc tội với mình, mình phải tha thứ cho họ, quyết định chẳng ghim trong lòng, phải hóa giải oán kết ấy, chớ nên đối lập, chớ nên oán hận.

Phật, Bồ Tát, thánh hiền dạy chúng ta: “*Oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (Oan gia nên cởi, không nên buộc), ngàn vạn phần chớ nên kết oán cùng người khác. Người khác xử tệ với mình, mình không có thần thông, chẳng biết chuyện đời quá khứ, nếu mình biết được quá khứ, sẽ hiểu vì sao kẻ ấy lại có thái độ như thế đối với mình? Vì sao họ chẳng có thái độ ấy đối với người khác? Trong ấy, nhất định phải có nguyên nhân. Nếu hiểu rõ ràng, minh bạch nguyên nhân rồi, chẳng phải là cười khì cho qua chuyện hay sao?

Hiện tại, người Tây phương dùng phương thức phổ biến nhất là thôi miên. Thôi miên ở một mức độ sâu; trong lúc bị thôi miên, sẽ nói ra những chuyện trong quá khứ. Có rất nhiều trẻ nhỏ (chúng tôi đọc những báo cáo ấy) sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ bèn bất an, kinh hoảng hết sức, hoảng sợ trầm trọng. Có đứa sợ nước, trông thấy nước sợ điếng. Khi được thôi miên ở một mức độ sâu, chúng bèn nói ra: Sợ nước là vì trong quá khứ đã bị chết đuối. Đứa sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ kinh hoảng là vì trong quá khứ từng là binh sĩ, chết trên chiến trường. Bởi thế, nghe tiếng súng nổ liền hoảng sợ, là do mối quan hệ với đời trước như vậy.

Sau khi chúng nó hiểu rõ những chuyện như vậy rồi, những nỗi sợ không còn nữa, tiêu trừ hết. Tìm được nguyên nhân thực sự, nguyên nhân từ đời trước chứa trong ý thức, người hiện tại gọi là “*tiềm ý thức*” (subconscious, ta thường nói là Tiềm

Thức). Thôi miên ở một mức độ sâu, lôi hết những gì trong tiềm thức ra, khiến cho người ấy tự nói ra, dùng máy ghi âm thu lại, đợi đến lúc người ấy tỉnh, mở cho người ấy nghe, tự mình đã nói, tự mình sẽ hiểu rõ; từ đây trở đi bèn khôi phục bình thường. Những chuyện này cho chúng ta biết một chuyện quan trọng nhất, một chân tướng sự thật là: Ai nấy đều có đời sau. Quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa mỗi người và hết thầy chúng sanh đều là mối quan hệ đời đời kiếp kiếp, không phải ngẫu nhiên! Trong thế gian nhất định chẳng có chuyện gì phát sanh ngẫu nhiên; nói chung, chẳng ngoài những nhân tố trong đời trước và đời này tạo thành.

Giáo học nhà Phật cũng chẳng có gì khác cả, chỉ nhằm khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật, thuật ngữ nhà Phật gọi là “*Thật Tướng của các pháp*” (chư pháp Thật Tướng), nói theo cách hiện thời là hiểu rõ chân tướng sự thật của hết thầy pháp. Thông thường, nhà Phật chia chân tướng sự thật thành sáu hạng mục để thuyết minh:

1) Tánh - tướng: Tánh là tánh của hết thầy pháp, tức bốn tánh; Tướng là hiện tượng.

2) Lý - Sự: Lý là đạo lý của hết thầy các pháp, dần dần hình thành. Còn tác dụng của các hiện tượng được sanh ra, đều thuộc về Sự.

3) Nhân - quả: Tiền nhân, hậu quả. Hậu quả lại biến thành cái nhân hiện tiền, nhân ấy cảm thành cái quả trong đời sau. Nhân quả liên tục, nhân quả tuần hoàn. Vì thế mới nói “*nhân quả bất không*” (nhân quả chẳng không). Nhân có thể biến thành quả, quả lại có thể biến thành nhân, chuyển biến chẳng không, tuần hoàn chẳng không, tiếp nối chẳng không, phải hiểu đạo lý này! Hiểu được đạo lý này thì quý vị mới thực sự liễu giải ý nghĩa của việc tu hành, quý vị mới có thể thực sự thực hiện được. Nếu quý vị chẳng tích cực tu hành, đó là vì quý vị chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Bởi thế, trong thời đại hiện tại, đặc biệt là đối với kinh giáo Đại Thừa, nếu không giảng kỹ, nêu không tích cực nghiên cứu thì tín - nguyện - hạnh đều có vấn đề, cũng có thể nói là công phu không đắc lực!

Hiện tại, chúng tôi đến rất nhiều nơi ở Trung Quốc và ngoại quốc, cũng tiếp xúc với rất nhiều đồng tu, tự hồ chuyện linh quý dựa vào thân thấy càng ngày càng nhiều. Bị quý dựa thân, nếu là báo oán, hoặc đến đời nợ thì đau khổ không thể chịu đựng nổi! Bị vùi dập mà! Chúng trạng ấy không có cách gì trị liệu được, bó tay hết cách! Siêu độ cũng không hiệu quả, siêu độ là gì? Là làm trung gian để thương thuyết, vô hiệu! Trên thực tế, vì sao vô hiệu? Người siêu độ không có một phần thành ý nào cả. Cổ đại đức thường dạy chúng ta: “*Chí thành cảm thông*”, chúng ta không đủ chí thành. Nếu thực sự chí thành sẽ hóa giải, an ủi kẻ đó, chỉ dạy kẻ đó, giúp cho kẻ ấy nâng cao cảnh giới.

Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Hóa địch thành bạn, chẳng cần đối địch, hóa oán thành thân. Mọi sự đều phải hóa giải, chẳng được đối lập*”. Thủ đoạn hóa giải trọng yếu nhất là phải thường giao lưu, phải thường gặp gỡ, chẳng thể không qua lại với nhau. Không qua lại với nhau thì mâu thuẫn ngày càng sâu, phải qua lại nhiều! Giao lưu nhiều! Vấn đề gì cũng hóa giải được hết! Sự nhất là chẳng qua lại với nhau. Giống như quý vị làm thí nghiệm [phản ứng của thực vật và thức ăn đã nói trong phần trên], quý vị dùng thiện ý hay ác ý đối đãi là có qua lại. Còn về căn bản không quan tâm đến, không qua lại, [những thức ăn] hết sức dễ bị mục nát, tệ hại nhất là không qua lại! Cự tuyệt qua lại chính là sự việc đáng sợ nhất! Nhưng

chúng ta phải biết: Chúng ta không có cách gì ép buộc người khác được, chính mình phải giữ tấm lòng giao thiệp cùng hết thảy mọi người. Người khác cự tuyệt ta là chuyện của người ta, cửa nhà mình vĩnh viễn mở rộng đối với người đó. Người ta đóng cửa là chuyện của họ; chúng ta cứ đợi đến lúc họ mở rộng cửa. Nay đã đến giờ rồi!

Tập 24

6.3.3. Chỉ rõ pháp chấp trì danh hiệu để lập hạnh

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần tiếp theo “Chánh hiển thị trì danh hiệu dĩ lập hạnh”, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.

舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。

(Này Xá Lợi Phất! Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi kia.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn)

Lại xem tiếp:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn: ‘Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ’.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(Kể ấy lúc mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện trước mặt người ấy. Người ấy lúc mất, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời sau: “Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, phải nên phát nguyện sanh về cõi kia”).

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta phương pháp tu hành. Chúng tôi chia đoạn này thành chín tiểu đoạn. Đoạn kinh lớn này hết sức quan trọng! Chúng ta đã biết Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng rồi, nhưng làm thế nào thì mới có thể vãng sanh? Đoạn kinh này dạy chúng ta phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Trước hết, đức Phật dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi kia). Nói cách khác, thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đầy đủ. Chúng ta thảo luận những vấn đề được nêu trong đoạn thứ nhất này.

[Sách Yếu Giải viết]: “*Bất đắc sanh giả, thiện căn, phước đức lực bạc*” (Kể chẳng được vãng sanh là do sức thiện căn, phước đức kém). Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: Thiện căn là “*Bồ Đề chánh đạo*”, là “*thân nhân*” (cái nhân gần gũi, thân thiết), “*Nhị Thừa nhân thiếu*” (hàng Nhị Thừa có ít ỏi), chẳng nói là không có, mà là ít! Đã ít thì sức kém, chẳng thể khởi tác dụng. “*Phước đức*” là bố thí, trì giới và hết thảy các pháp trợ đạo, đều thuộc về trợ duyên. “*Nhân thiên thiếu*” (hàng nhân thiên ít [thiện căn, phước đức]), do vậy, sức cũng kém; vì thế, chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh phải có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên (trung phần của ít là nhiều), nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên! Chúng ta thấy lời tiểu chú viết: “*Nhị Thừa đản cầu tự lợi, đắc thiếu vi túc, bất phát Bồ Đề tâm, cố thiện căn thiếu*” (Nhị Thừa chỉ cầu tự lợi, được chút ít đã cho là đủ, chẳng phát Bồ Đề tâm, nên thiện căn ít). Đây là nói bậc Nhị Thừa chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu có cầu cũng không có cách gì cầu được, vì điều kiện không đầy đủ. “*Nhân thiên (ngộ đạo Đại Thừa liễu) tuy tu Lục Độ, đản cầu nhân thiên phước lạc, vị liễu vô vi, vị đắc vô lậu, cố phước đức thiếu*” (Nhân, thiên (gặp được Đại Thừa), dầu tu Lục Độ, nhưng chỉ cầu phước lạc trời người, chưa trọn vô vi, chưa được vô lậu, nên phước đức ít). Hai loại này đều chẳng được sanh về Tịnh Độ. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng về thiện căn, phước đức như vậy.

Tôi thường khuyên đại chúng tu học pháp môn Niệm Phật, so ra tôi nói đơn giản hơn, ai nấy đều dễ hiểu. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Thiện căn là chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này; tôi nói đây chính là thiện căn. Có thể nguyện, có thể hành thì người ấy có phước, chịu phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, chịu niệm A Di Đà Phật, y giáo phụng hành là người ấy có phước. Chúng tôi thuyết pháp đơn giản như vậy, chắc mọi người đều hiểu. Nói cách khác, quý vị gặp được pháp môn này, là quý vị đầy đủ nhân duyên (ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên), nhân duyên đầy đủ mới được gặp. Gặp được là do thiện căn và phước đức của quý vị, thiện căn là có thể tin, có thể hiểu. Quý vị đọc kinh hiểu rõ, hoặc là nghe giảng bèn hiểu rõ, đó là quý vị có thiện căn. Hiểu minh bạch rồi, thực sự phát nguyện. Dem hai thế giới so sánh, thế giới Cực Lạc rất thù thắng, còn sự vui

trời người ở nơi đây là vui như thế nào? Là hưởng thụ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần; thử hỏi xem, quý vị có thể hưởng được mấy ngày? Thời gian rất ngắn ngủi!

Mọi người học Phật chúng ta, rất ít người sanh trong gia đình phú quý. Nói cách khác, đại đa số thuộc gia đình từ trung lưu trở xuống. Lúc trẻ tuổi, nếm đủ mùi cay đắng, toàn là siêng khô phát phẫn, đến tuổi trung niên cuộc sống mới dần dần dư dả. Thực sự được hưởng thụ niềm vui ngũ dục, lục trần, nói chung phải từ sau tuổi ba mươi. Chúng tôi thấy rất nhiều người hầu như đến tuổi bốn mươi mới được như vậy. Bốn mươi tuổi rồi thì hưởng được bao năm? Cứ tính là quý vị sống đến bảy mươi tuổi thì hưởng được ba mươi năm. Đó là nếu quý vị thực sự có thể hưởng thụ, thực sự có phước báo, quý vị mới có thể hưởng thụ ba mươi năm. Thế nhưng trong ba mươi năm hưởng phước ấy, quý vị có phải trả giá hay không? Phước chẳng dễ hưởng! Từ xưa đến nay, có người hưởng phước nào mà chẳng phải trả giá nghiêm trọng hay không? [Trả bằng] tinh thần, thể lực, thời gian, nếu chú tâm tính toán kỹ, cái được chẳng bù nổi cái mất! Bởi thế, quả đúng là chẳng sánh bằng người xuất gia ẩn cư trong núi thẳm (đây là nói chuyện thời xưa, chứ không phải hiện tại), đúng là thực sự có phước báo, hưởng phước thanh tịnh, thân và tâm đều thanh tịnh.

Quý vị thấy con người trong xã hội hiện tại có địa vị, có quyền thế, có của cải thì thân họ phải chịu áp lực trầm trọng. Họ có một bác sĩ chuyên môn và y tá để chữa trị mỗi ngày. Áp lực về mặt tinh thần lại càng nặng nề hơn, vì sao? Lo được, lo mất. Phước báo ấy đem tặng cho tôi, tôi cũng chẳng muốn tiếp nhận, vì sao? Phải gánh vác nặng nề quá! Tôi thấy rất nhiều rồi! Bởi thế, nếu quý vị lắng lòng quan sát kỹ, quý vị mới biết thế nào là hưởng phước: Thân lẫn tâm đều không có chuyện gì, tôi thường nói đọc một cuốn sách mình thích, làm việc mình yêu thích, đây mới đúng là có phước báo. Những người đại phước báo trong thế gian, những việc họ làm chẳng thấy vui thích gì, nhưng chẳng vui thích cũng phải làm, chẳng thể không làm được. Không có thời gian đọc một cuốn sách mình yêu thích thực sự, mỗi ngày phải xem biết bao giấy tờ thương lượng, do công việc bắt buộc phải xem những văn kiện ấy, còn thời gian đâu nữa!

Vì thế, người có học thời cổ đọc sách rất hay, đúng là hiểu rõ lý lẽ, họ không làm việc mà ẩn cư! Gia Cát Lượng, như các vị biết đó, đúng là người có đức hạnh, có học vấn, chẳng muốn ra làm việc, ẩn cư trong làng cày ruộng; tự mình cày cấy, bạn thân vây quanh, lúc nhàn hạ bèn du sơn ngoạn thủy, sung sướng vô cùng. Kịp đến khi Lưu Bị ba lần đến lều tranh mời ra giúp sức, thịnh tình khó từ, chẳng thể không ra. Khi đã ra rồi, cúc cung tận tụy đến chết mới thôi. Đó là nghĩa khí của một người có học, tôi không đáp ứng thì thôi, hễ đáp ứng thì nhất định phải tận tụy với công việc.

Thế nào là phước báo? Thiện căn, phước đức, chúng ta phải thực sự hiểu rõ. Trong Phật pháp, nhất là trong Tịnh tông, thế nào là phước báo lớn nhất? Niệm Phật trong Niệm Phật Đường là phước báo lớn nhất, nghe kinh trong giảng đường hồng tạng trường thiện căn. Đạo tràng nhỏ bé sẽ có hai “đường”: Một là giảng đường, hai là Niệm Phật Đường, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể giác ngộ hay chăng? Giác tri! Quý vị có thể giác ngộ hay không? Có thể hiểu được hay không? Muốn đạo nghiệp thành tựu, trong một đời này quyết định vãng sanh thì chớ nên ly khai đạo tràng, [hễ chẳng rời khỏi đạo tràng], công phu nhất định chẳng bị gián đoạn. Xưa kia, Huệ Viễn đại sư là một vị nhất đại tông sư trong Tịnh tông chúng ta, dựng

Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, các đạo hữu đồng tham chí đồng đạo hợp đều là những người nhất tâm chân chánh lập chí, mong được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gồm một trăm hai mươi ba người. Họ dựng một Niệm Phật Đường, bên ngoài có một cái khe nước nhỏ gọi là Hồ Khê, lấy Hồ Khê làm giới tuyến, quyết định chẳng vượt qua cái khe nước nhỏ ấy. Mọi người nghiêm ngặt tuân thủ, nên ai nấy đều thành tựu.

Bên ngoài vừa động, tâm bèn loạn, công phu bị gián đoạn, lúc ấy quý vị có thể thành tựu hay chẳng? Chỗ này có người khai thính, chỗ kia có người khai thính, tợ hồ pháp duyên rất thịnh. Không sai! Pháp duyên rất là thịnh, nhìn bên ngoài rất thịnh, nhưng trên thực tế lại là tướng suy, chẳng phải tướng hưng thịnh. Vì sao? Không thể vãng sanh! Không thể vãng sanh mà tính là pháp duyên thù thắng cái nổi gì? Sự thành tựu trong đạo tràng của chúng ta phải là trong đạo tràng có bao nhiêu người vãng sanh, coi đó là thành tựu, chứ chẳng phải đạo tràng náo nhiệt đến mức nào, nhang đèn nhộn nhịp, không phải thế đâu! Trong đạo tràng này có bao nhiêu người khai ngộ, có bao nhiêu người đắc Thiền Định, có bao nhiêu người minh tâm kiến tánh, có bao nhiêu người vãng sanh. Đó mới là thành tựu thực sự. Trong những thành tựu ấy, vãng sanh là thành tựu bậc nhất. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đều chẳng bằng Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, điều này có thể lấy kinh làm chứng.

Trong kinh Hoa Nghiêm, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giác. Niệm Phật vãng sanh đầu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng đã là A Duy Việt Trí Bồ Tát, Sơ Trụ Bồ Tát kém người ấy một khoảng xa. A Bộ Bát Trí, tổ sư đại đức chẳng giảng khác nhau, đều cùng nhất trí: Từ Thất Địa trở lên, phải tính từ Thất Địa. Từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thất Địa sai khác bao nhiêu địa vị? Ba mươi địa vị thuộc Tam Hiền; từ Tam Hiền lên đến Thất Địa là bảy địa vị nữa. Nói cách khác, kém hơn ba mươi sáu cấp. Người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh so với người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới kém hơn ba mươi sáu cấp. Vì thế, niệm Phật vãng sanh là thù thắng bậc nhất. Tổ sư đại đức, như Ngẫu Ích đại sư trong sách Yếu Giải nhìn thấy người thế gian tu hành, vô cùng cảm thán: Pháp môn thù thắng như thế đó, lúc họ gặp được, nhưng thiện căn ít, phước đức ít. Thiện căn ít là gì? Nửa tin, nửa ngờ. Lúc phước đức ít, sẽ chẳng chịu thực sự tu hành, tu hành như đùa, chẳng hề nghiêm túc. Làm như vậy chỉ có thể kết duyên cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới, đời này chẳng được về. Đời này chẳng được về, chắc chắn phải luân hồi lục đạo. Luân hồi trong lục đạo phải hứng chịu nỗi khổ.

Đừng nói gì khác, nội chuyện oan oan tương báo không thôi đã rất phiền phức rồi. Trong một đời này, chúng ta đã kết mối oan cừ cùng bao nhiêu chúng sanh, quý vị có biết nổi hay không? Quý vị đâm chết một con kiến, giết một con gián đều là kết mối oan cừ với chúng, phải đền mạng cả đấy! Giữa người với người quá chi ly không kể, cứ nói đơn giản giữa người và động vật thôi! Quý vị ăn thịt những động vật nào, trong kinh Đại Thừa đức Phật chẳng nói dối đâu! Quý vị ăn nửa cân thịt của chúng, đời sau chúng đòi quý vị trả đúng tám lạng⁴. Lúc tôi chưa học Phật không biết điều này, không biết đã ăn bao nhiêu nữa! Học Phật rồi mới biết chuyện

⁴ Theo hệ thống đo lường cổ của Trung Hoa (vẫn còn sử dụng ở Hương Cảng và Đài Loan), một Cân gồm mười sáu Lạng. Một Cân tương đương 604,8 gram. Ở Hoa Lục, một Cân chỉ là 500 gram và được chia thành 10 Lạng. Để khỏi lầm lẫn, đơn vị Cân của Hoa Lục được gọi là Thị Cân.

này, chẳng dám ăn thịt nữa, chọn cách ăn chay, bỏ hẳn ăn thịt. Thường xuyên phóng sanh để chuộc tội! Trong quá khứ ngu muội vô tri, sát hại bao nhiêu chúng sanh như thế!

Bởi thế, ta hữu ý hay vô ý kết mối oan cừu với hết thảy hữu tình chúng sanh, kể cả động vật! Chỉ có một phương pháp là trong một đời này phải thực sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà. Tất cả hết thảy oán thân trái chủ đời trước đời này, đợi đến lúc tôi về Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu rồi, tôi sẽ trở về độ các người thành Phật. Thực sự hoàn nguyện, báo ân! Từ nay trở đi, chẳng có ác niệm nữa, chẳng có ác hạnh nữa, cũng chẳng nói lời ác, ba nghiệp thân - ngữ - ý thuần thiện, thuần tịnh. Người thế gian truy cầu chân - thiện - mỹ - huệ, tận thiện tận mỹ được thực hiện trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự thực hiện. Chúng ta hãy xem đoạn thứ hai.

“*Duy dĩ tín nguyện*” (chỉ dùng tín nguyện), trì danh niệm Phật, đó là ba tư lương: Tín - Nguyện - Hạnh, chấp trì danh hiệu, “*tất nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng, hướng nhất tâm bất loạn tai!*” (thì mỗi một tiếng [niệm Phật] đều có nhiều thiện căn và phước đức. Tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được, hướng hồ là nhất tâm bất loạn ư?) Cách tu thiện căn, phước đức, nhân duyên như thế nào? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Chân tín*”, không hoài nghi một chút nào, “*thiết nguyện*” [tức là] nguyện chân thật, nguyện vọng khẩn thiết. Chân tín, thiết nguyện (lòng tin chân thành, nguyện thiết tha) thì thân, tâm, thế giới sẽ tự nhiên buông xuống được hết. Hễ còn điều gì chưa buông xuống được là lòng tin chẳng chân, nguyện chẳng thiết. Tin chân thành, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu, một câu danh hiệu ấy quyết định không gián đoạn, nguyện khẩn thiết chẳng xen tạp, lòng tin kiên cố chẳng hoài nghi. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chấp trì danh hiệu không gián đoạn, đó là phương pháp Niệm Phật do Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm! Phương pháp Niệm Phật của lão nhân gia là như vậy đó!

Ngài niệm như thế nào? “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối); ở đây, Ngẫu Ích đại sư gọi là “*tín nguyện trì danh*”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Nhiếp trọn sáu căn bao gồm cả tín, nguyện. Nếu quý vị không tin, không có nguyện, thì lục căn suốt một ngày từ sáng đến tối rong ruổi trong cảnh giới sáu trần, không quay đầu. Nay thực sự tin tưởng Tịnh Độ, thực sự nguyện vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, thâm hồi cái tâm lại, sáu căn chẳng còn vịn nắm cảnh giới sáu trần bên ngoài, buông xuống cả rồi. Buông xuống không có nghĩa là mắt không thấy, tai không nghe! Sáu căn vẫn khởi tác dụng “thấy, nghe, hay, biết”, nhưng như thế nào? Quyết định chẳng ghim trong lòng! Cõi lòng thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, mắt chẳng nhiễm sắc trần, tai chẳng nhiễm thanh trần, mũi chẳng nhiễm hương trần, lưỡi chẳng nhiễm vị trần, hết thảy đều tùy duyên. Thứ gì cũng tốt, không hề có tính toán, so đo gì! Cái gì tốt thì rất tốt; cái gì không tốt cũng rất là tốt!

Xưa kia, Hoảng Nhật đại sư ở Nam Dương (Indonesia), Ngài là bạn thân của pháp sư Quảng Hiệp, bạn đồng tham cũ với nhau. Ngài đến Tân Gia Ba ngụ tại viện Chiêm Bặc của pháp sư Quảng Hiệp, đạo tràng không lớn, chúng tôi đã từng đến đó. Tôi nghe các đồng tu Tân Gia Ba kể lại. Họ nói Hoảng Nhật đại sư không hề cần

nhân ai tí nào, đối xử hết sức hòa ái đối với mọi người. Ăn thứ gì, cho ăn cái gì cũng ngon hết. Thức ăn quá mặn, Sư cũng bảo không hề gì, mặn có vị riêng của mặn. Quá nhạt, cũng không ăn nhằm gì, nhạt có vị riêng của nhạt! Cái gì cũng tốt hết, không phân biệt, chấp trước mảy may! Đương nhiên chủ nhân lẫn người tiếp đãi đều tận tâm tận lực chăm sóc pháp sư, luôn trông chừng xem pháp sư thích gì, cần gì, nhưng pháp sư hết thấy tùy duyên, hết thấy đều miễn sao thuận tiện thì thôi, thế nào cũng tốt, “miễn sao thuận tiện cho quý vị là tôi vui rồi!”, không mảy may gây phiền phức thêm cho người ta. Pháp sư tâm đặt nơi đạo, đã buông thế gian này xuống rồi, một lòng gởi nơi Tịnh Độ.

Chúng ta biết Hoàng Nhất đại sư chuyên tu Tịnh Độ, Ngài không y vào kinh A Di Đà, cũng chẳng y kinh Vô Lượng Thọ. Khóa tụng mỗi ngày của Ngài là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Đó là trong năm kinh một luận, tức sáu môn khóa của Tịnh Độ, Ngài chuyên tu Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ngài tụng thuộc lòng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, công khóa sáng tối đều niệm Hạnh Nguyện Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Bởi vậy, Ngài niệm Phật, tín nguyện trì danh, niệm Phật là tịnh niệm tiếp nối. Lúc niệm dùng cái tâm thanh tịnh để niệm, tâm thanh tịnh đương nhiên không có bất cứ thứ gì xen tạp. Hễ xen tạp, tâm quý vị sẽ không thanh tịnh; cũng chẳng thể hoài nghi, tâm hoài nghi thì cũng không thanh tịnh. Vì thế, trong chữ Tịnh không có xen tạp, không hoài nghi. “*Tương kế*” (tiếp nối) là không gián đoạn, ở đây gọi là “*chấp trì*”, Trì (持) là giữ gìn cho không gián đoạn, Chấp (執) là cầm nắm. [Chấp trì] chính là nắm giữ danh hiệu A Di Đà Phật, cái gì khác cũng không màng, đều buông bỏ hết.

Niệm Phật như thế thì “*nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức*” (mỗi một tiếng niệm đều có nhiều thiện căn, phước đức). Vì sao? Giới, Định, Huệ đều gộp trong ấy, một câu A Di Đà Phật đồng thời trọn đủ Giới - Định - Huệ, trong một câu niệm viên mãn chẳng thể nghĩ bàn! Giới là gì? “*Phòng phi chỉ ác*” (ngăn ngừa điều sai trái, dứt điều ác) là giới Tiểu Thừa. Khi quý vị nhất tâm niệm Phật, trong tâm một ác niệm nào cũng không có, cũng chẳng thể có hành vi ác, đó là “*phòng phi chỉ ác*”. Trong giáo pháp Đại Thừa, vâng làm các điều thiện, niệm A Di Đà Phật là điều thiện bậc nhất trong các điều thiện, không có gì thiện hơn được nữa! Quý vị hãy nghĩ xem: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành) đã đầy đủ chưa? Đó là Giới học! Trong một câu niệm Phật, Giới viên mãn, giới Đại Thừa lẫn giới Tiểu Thừa đều bao gồm trong ấy. Lúc niệm Phật, tâm thanh tịnh, nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh vậy! Thanh tịnh là Định. Phật hiệu sáu chữ hoặc bốn chữ, từng chữ phân minh, rõ rệt rành rẽ, chính là gì vậy? Là Huệ! Ấy là Căn Bản Trí. Vì thế, một câu Phật hiệu, Giới - Định - Huệ đều đầy đủ cả, đều viên mãn cả, há chẳng phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức ư? Nếu chúng ta hiểu được, sẽ nhất tâm xưng niệm.

Phần kệ đó nói: Dù quý vị chẳng thể nhất tâm, mà là tán tâm, “*tán tâm xưng danh, phước thiện diệt bất khả lượng*” (tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được), hưởng chi nhất tâm bất loạn! Nhất tâm xưng niệm còn đến như thế nào nữa? Kinh Vô Lượng Thọ nói “*nhất hướng chuyên niệm*” (một dạ chuyên niệm), một mục tiêu, một phương hướng, chuyên niệm, phước đức chẳng thể nghĩ lường! Ở đây nói “tán tâm”, chứ không phải là tán loạn tâm. Tâm tán loạn

niệm Phật, phước đức đương nhiên cũng chẳng thể nghĩ lường; nhưng cổ đức nói “*rách toạc cuồng hống cũng uổng công*” là nói về cái tâm tán loạn đấy! Tâm tán loạn là gì? Trong tâm khởi vọng tưởng. Ngoài miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm khởi vọng tưởng, như vậy là trật rồi!

“*Tán tâm*” ở đây là chưa nhất tâm, nhưng cũng không được khởi vọng tưởng, cũng không có vọng tưởng, thì gọi là “*tán tâm*”. Nếu như quý vị không có cách gì tập trung ý chí tinh thần được, thì lúc niệm Phật nên làm sao? Nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, nghĩ đến tượng ấy, thêm vào sự quán tưởng Phật, hoặc tưởng hoa sen, đây đều là những phương cách (quý vị không tưởng không được nghe! Không tưởng bèn có vọng tưởng liền). Tưởng tượng bạch hào hay hào quang của Phật đều được. Tâm lực không thể tập trung thì dùng phương pháp ấy. Niệm Phật như thế, thiện căn và phước đức cũng chẳng thể nghĩ lường! Đương nhiên, tốt nhất là nhất tâm bất loạn, nhưng khó lắm, rất ư là khó! Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy “*một dạ chuyên niệm*”, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật, vậy là đúng!

Tiểu đoạn thứ ba là “*hiển thị chánh hạnh Trì Danh Tam Yếu*” (chỉ rõ ba điều quan trọng của chánh hạnh Trì Danh). Đoạn này quan trọng, hết sức quan trọng! Niệm Phật theo cách nào? Ba điều quan trọng là Tín, Nguyện, Hạnh, tức ba điều kiện trọng yếu để được vãng sanh thế giới Cực Lạc; cổ nhân nhắc tới “*ba tư lương*”. Nay nói “*tư lương*” người hiện thời không hiểu, người hiện tại gọi là “*điều kiện*”; ba tư lương là ba điều kiện. Trước hết, nói đến tín - nguyện, “*tín nguyện đầy đủ*”, đầy đủ hai điều kiện tín và nguyện, điều kiện thứ ba là “*chấp trì danh hiệu*”. Với ba điều kiện ấy ở đây dùng tám chữ, nếu tám chữ ấy thấy đều có đủ, tức là “*tín nguyện cụ túc, chấp trì danh hiệu*” (tín nguyện đầy đủ, chấp trì danh hiệu) thì ngay trong hiện tại, quý vị đã không còn là chúng sanh của thế giới Sa Bà nữa. Vì sao? Đã báo danh ghi sổ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, nhưng còn chưa đi, giống như quý vị đã cầm sẵn hộ chiếu và thẻ thông hành của Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn đi lúc nào thì đi. Quý vị không còn là phàm phu luân hồi trong lục đạo của thế giới Sa Bà nữa, mà đã là một trong các vị thượng thiện nhân của thế giới Cực Lạc rồi!

Phần kế đó là lời giải thích về “*tín nguyện đầy đủ*”: “*Thường tu nhị khóa thời, tinh tấn kết thất thời*” (Lúc thường tu hai thời khóa công phu, lúc tinh tấn kết thất). Phương pháp tu học chẳng được gián đoạn, hai khóa sáng tối bình nhật, sáng tối đều niệm Phật. Thông thường hai khóa sáng tối đều phải niệm một quyển A Di Đà Kinh, niệm kệ Tán Phật, rồi niệm Phật hiệu. Vì sao phải niệm một quyển kinh, niệm kệ Tán Phật? Để nhiếp tâm, tức là nhiếp trọn sáu căn, dụng ý ở chỗ này, nhằm để quý vị một dạ chuyên niệm. Thậm chí, khi mọi người cùng tụng công khóa sáng tối, trước đó còn niệm bài Tán Hương, tụng kinh, niệm kệ Tán Phật đều nhằm để định tâm. Nói cách khác, đó là những công phu dự bị trước lúc niệm Phật để thâm nhiếp cái tâm. Nếu cái tâm này định, trong mười hai thời không tán loạn, đều không có vọng tưởng thì những thứ vừa nói trên đây đều không cần thiết: Hương Tán, tụng kinh, xướng kệ Tán Phật đều chẳng cần đến nữa. Những người như vậy hiếm hoi, người một ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung thì nhiều. Nếu như đã thêm vào Hương Tán, lại còn tụng kinh, lại còn xướng kệ Tán Phật, niệm A Di Đà Phật mà vẫn khởi vọng tưởng thì không còn cách nào hết, ý chí vẫn không tập trung. Vì thế, từ đây chúng ta phải lãnh hội sâu xa: Niệm Phật không phải là chuyện dễ, chớ nên xem nhẹ! Bởi thế, Tinh Tấn Phật Thất là một phương pháp tốt.

Nhưng trong thời đại hiện tại này, trên thực tế, Tinh Tấn Phật Thất có chỗ khó khăn, thật đấy, không giả đâu! Thực sự đả Phật thất, rất có thể chúng ta chưa từng gặp một ai cả, tôi cũng chưa từng thấy một ai hết! Tôi thường nghe thầy Lý giảng về Phật Thất: Tinh Tấn Phật Thất thì nhất định những người cùng tu một chỗ chẳng thể nhiều hơn mười người, đó là Tinh Tấn Phật Thất. Vì sao? Từ mười người trở lên, Chủ Thất Sư không có cách gì trông nom được, trông nom không xuể! Bởi thế, đả Phật Thất nhưng người tham gia Phật Thất công phu có thể thành tựu hay không thì vị Chủ Thất Sư quan trọng nhất!

Ai mới có thể làm Chủ Thất? Đều là người có kinh nghiệm trong Niệm Phật Đường, chẳng những thông thạo nghi quy, mà trạng huống của mỗi người niệm Phật vị ấy đều hiểu rõ. Bởi thế, trong Niệm Phật Đường, chẳng những vị ấy phải thường thời thời khắc khắc cảnh tỉnh mọi người, mà còn đốc thúc, ngăn ngừa ma chướng. Tinh Tấn Phật Thất ma chướng rất nhiều. Thầy Lý bảo tôi: Thầy ở tại Đài Loan ba mươi tám năm, chỉ đả Tinh Tấn Phật Thất hai lần, về sau không dám mở nữa. Tôi hỏi vì sao? Gây nên chuyện, ma chướng nổi lên. Chỉ cần một người khởi ma chướng là đã phiền lắm rồi, cụ phải mất từ mười tháng đến một năm để chữa lành cho người ấy, chữa cho người ấy bình phục rất khổ sở.

Phật Thất như chúng ta thường thấy là pháp hội Phật Thất, chứ không phải thật tu. Thật tu ắt có ma chướng, chẳng phải chân tu, ma không thềm nhìn tới. Quý vị tu giả, chứ không tu thật, nó không cần gây chướng ngại! Quý vị đâu có thoát khỏi luân hồi; nó sẽ còn có ngày báo thù quý vị. Chứ nếu quý vị thật tu, thực sự tu tập, muốn thoát khỏi luân hồi lục đạo, nó sẽ ở bên cạnh gây tai chướng liền: “Người thiếu mạng ta, vẫn chưa đền mạng; người thiếu nợ ta, nợ vẫn chưa trả”. Quý vị muốn đi, nó bèn đến đòi. Nó ở bên cạnh thấy rất rõ. Nếu quý vị tu giả, tu đùa bỡn, quý vị không vãng sanh được! Nó ở bên cạnh, cười hì hì, không đếm xỉa tới.

Bởi thế, Phật Thất niệm Phật gần như là niệm Phật công phu kha khá, cũng đã hiểu khá rõ, đã nhận thức đạo lý Tịnh tông, chính mình thực sự phát nguyện, nhất tâm niệm Phật. Trong Niệm Phật Đường có thể nhận biết điều này. Người nào thật thà, quy củ, vâng giữ pháp, khiêm hư, cung kính đối với người khác, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, người đó thực sự niệm Phật. Vọng niệm nhiều, phân biệt lắm, tạp tâm chuyện gẫu thì là giả tu, chứ chưa tu thật. Chân chánh tham gia Phật Thất, tức Phật Thất thông dụng, tâm luôn thanh tịnh, quyết định chẳng bàn tán chuyện gẫu! Niệm Phật trong Niệm Phật Đường, ra khỏi Niệm Phật Đường vẫn niệm Phật, công phu không gián đoạn. Đoạn tiếp là “*khả y Tây Phương Xác Chỉ biện pháp, thị Vô Hủ tiết*” (có thể dựa theo biện pháp nói trong sách Tây Phương Xác Chỉ, phần dạy ông Vô Hủ). Ta có thể tham khảo đoạn sách ấy. A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn “*chấp trì danh hiệu*”. Chấp trì danh hiệu là “*thiện trung thiện, phước trung phước*” (điều lành bậc nhất trong các điều lành, phước bậc nhất trong các phước). Những ý nghĩa này tôi đã nói trong phần trên rồi. “*Thiện trung thiện, phát Bồ Đề tâm, cụ túc ngũ chủng Bồ Đề tâm*” (Điều lành bậc nhất

trong các điều lành là phát Bồ Đề tâm, đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm). Năm thứ Bồ Đề tâm này được nói trong Đại Trí Độ Luận, luận ấy nói có năm thứ Bồ Đề tâm:

1) Thứ nhất là “*phát tâm Bồ Đề*”. Nay ta nói là “tín nguyện trì danh”, phát tâm cầu thoát khỏi tam giới, cầu sanh Tịnh Độ, tự độ, độ người, đó là “*phát tâm Bồ Đề*”. Người ấy mới vừa phát tâm, giác ngộ.

2) Thứ hai là “*phục tâm Bồ Đề*”. Phục (伏) là hàng phục, Tâm là tạp niệm và vọng niệm trong tâm. Lúc chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm niệm Phật, vọng tưởng, phân biệt và chấp trước chẳng khởi. Lúc ấy, tinh thần và ý chí hoàn toàn tập trung, có thể chế phục phiền não. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ, chế phục được phiền não là giác ngộ vậy.

3) Thứ ba là “*minh tâm Bồ Đề*”, thứ bậc ngày càng cao hơn! Trong minh tâm Bồ Đề có Huệ, chế phục tâm là Định, dùng phương pháp Niệm Phật để chế phục phiền não, chế phục lâu ngày bèn sanh trí huệ, trí huệ dần dần mở mang. Đó là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, tức là Phật hiệu quý vị đang niệm đó và cái tâm niệm Phật tương ứng với Tự Tánh Giác. Tự Tánh Giác rất khó hiểu, nó tương ứng với Tự Tánh Di Đà. Hoặc có thể nói rõ ràng hơn, dễ hiểu hơn một chút cho mọi người hiểu được, thì minh tâm là niệm niệm tương ứng với tâm - nguyện - hạnh - giải của A Di Đà Phật. Nói như vậy dễ hiểu hơn, minh tâm là như vậy đó. Rất rõ ràng, minh bạch! Lấy tâm nguyện của A Di Đà Phật làm tâm nguyện của chính mình, lấy giải hạnh của A Di Đà Phật làm giải hạnh của chính mình. Đó là minh tâm Bồ Đề.

4) Thứ tư là “*xuất đạo Bồ Đề*”. E rằng cả đời này chúng ta khó thể đạt được. Vì sao? Xuất đạo Bồ Đề là chứng quả vậy. Kinh Vô Lượng Thọ nói một, hai, ba thứ Nhẫn, nếu theo như kinh Đại Thừa thường nói thì đó là cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát. Kinh Vô Lượng Thọ giảng là Âm Hưởng Nhẫn, Nhu Thuận Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn. Âm Hưởng Nhẫn là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; Nhu Thuận Nhẫn là Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa; Vô Sanh Pháp Nhẫn là Vô Sanh Pháp Nhẫn, là [cảnh giới của] Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Xuất đạo Bồ Đề là như vậy! Do đó, nói thật ra, công phu Niệm Phật của chúng ta chỉ có thể đạt được minh tâm Bồ Đề là đã khá lắm rồi! Minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn; phát tâm Bồ Đề và phục tâm Bồ Đề là công phu thành phiền, có thể đời nghiệp vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Đạt đến minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, xuất đạo Bồ Đề bèn sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng phải là hạng người tầm thường vậy!

5) Cuối cùng là “*vô thượng Bồ Đề*”, vô thượng Bồ Đề là Phật Quả, thành Phật. Bởi thế, Bồ Đề có năm thứ, chúng ta hãy nên hiểu như thế. Đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm, năm thứ ấy có từng giai đoạn. Tối thiểu, chúng ta phải đạt được một thứ, đạt được thứ thấp nhất là phát tâm Bồ Đề. Thực sự có cái tâm thoát lìa tam giới, hiểu rõ tam giới lục đạo, không thể trụ trong ấy nữa, nhất định phải giải quyết vấn đề này. Chúng ta được vãng sanh sẽ có năng lực độ những người có duyên với mình trong lục đạo, kinh Đại Thừa thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ không có duyên). Có duyên với mình là có ân, có oán, có dính líu trách nhiệm, nợ đòi phải trả, có duyên với mình là như vậy đấy! Bình thường chúng ta phải vui vẻ kết duyên với người khác, gặp người lạ, chào hỏi, mỉm cười với họ đều

là hữu duyên, chẳng thể không quan tâm đến, không quan tâm đến là không có duyên.

Đã hai ngày qua tôi được nghe biết, người ta đem đến rất nhiều tài liệu cho tôi đọc. [Theo những tài liệu đó], ở Đài Loan có rất nhiều học trò Tiểu Học làm thí nghiệm, dùng thiện ý hay ác ý để đối xử với thực vật hoặc phẩm vật, xem chúng biến hóa ra sao. Quý vị dùng thiện ý là hữu duyên, dùng ác ý cũng là hữu duyên, chẳng quan tâm đến bèn không có duyên. Nhất định phải có duyên, rộng kết pháp duyên! Đến khi mình vãng sanh rồi, chẳng cần phải đợi đến khi thành Phật, cứ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là đã có năng lực ấy, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị biết: Học một ngày ở nơi ấy là đã phi phạm rồi! Chúng ta học trong nhân gian cả vạn năm cũng chẳng bằng được người ta học một ngày [trong thế giới Cực Lạc]. Quý vị thấy người ta học trong một ngày bèn có thể thân cận mười phương hết thầy chư Phật Như Lai, mỗi đức Phật giảng cho mình một câu pháp đã thật là phi phạm rồi! Phân lượng ấy vượt xa Đại Tạng Kinh của chúng ta, tuyệt quá phải không? Dẫu chưa minh tâm kiến tánh, nhưng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, do vậy bèn khởi tác dụng, không khác người minh tâm kiến tánh cho lắm! Quý vị có sức hiểu biết rất cao, có sức ghi nhớ, hằng ngày huân tập ở nơi ấy, tuyệt vời quá! Huân tập mấy ngày, thả chiếc bè Từ trở lại độ hết chúng sanh không sót; trí huệ, phước đức, và phương tiện thiện xảo không có ai sánh kịp! Đương nhiên thời gian sống tại Cực Lạc càng lâu thì trí huệ và đức năng càng cao, tiến bộ càng nhanh!

“Kinh vân: Nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới” (Kinh dạy: Vừa xưng danh hiệu Phật thì do thiện căn ấy mà nhập Niết Bàn giới). Đây là chứng cứ do chính đức Phật nói. *“Phước trung chi phước, cụ túc vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, bách hạnh tề tu”* (Phước bậc nhất trong các phước, đầy đủ vạn đức, nhất tâm niệm Phật, trăm hạnh cùng tu). Tu một thứ là tu hết thầy, *“bách”* ở đây không phải là con số một trăm trong Toán Học, mà là tượng trưng cho viên mãn. Tu một pháp môn là tu hết thầy pháp môn qua một môn này, chớ nên coi thường một môn, môn nào cũng như nhau. Chúng ta đều phải nên nhớ kỹ kinh Hoa Nghiêm đã giảng: *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”* (Một tức hết thầy, hết thầy tức là một). Trong pháp môn tu hành cũng giống như vậy; chúng ta tu hành, chọn lấy một pháp môn. Pháp môn này đầy đủ hết thầy pháp môn; hết thầy pháp môn dung nhập trong một pháp môn này của chúng ta. Pháp môn Niệm Phật có đủ hết thầy các pháp môn, quý vị chỉ cần coi Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và một chương tỳ-kheo Đức Vân sẽ thấy (nếu coi bản Tứ Thập Hoa Nghiêm thì xem chương Cát Tường Vân).

Tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử pháp môn Niệm Phật, nói đến hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Con số hai mươi một nhằm biểu thị ý nghĩa về mật pháp! Trong Mật Tông, gọi là “đại viên mãn”. Mật tông dùng con số mười sáu hoặc hai mươi một để biểu thị đại viên mãn. Một môn này có đủ hết thầy pháp môn, một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Một ở đây không phải là chuyên nhất, không phải là độc nhất, mà là bất cứ một pháp môn nào! Bất cứ pháp môn nào cũng có đủ hết thầy các pháp môn. Chẳng hạn như tham Thiền cũng là đầy đủ hết thầy các pháp môn, cũng bao gồm pháp môn Niệm Phật trong ấy. Trì giới cũng bao hàm hết thầy các pháp môn, Thiền và Tịnh cũng gộp trong ấy, Mật cũng gộp trong ấy,

quyết định chẳng thể thiếu một môn nào. Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một! Kinh cũng giống như vậy: Trong một bộ kinh có đủ hết thầy các kinh, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó là viên dung vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Vì sao vô ngại? Điều từ Chân Như Tự Tánh lưu xuất, Chân Như Tự Tánh pháp vốn là như vậy. Chân Như tự tánh vĩnh viễn viên dung, vĩnh viễn viên mãn, chắc chắn không thể nói Chân Như tự tánh biến hiện ra vật gì mà vật ấy bị khuyết hãm, không hề có! Ở đây, nói thật ra, chỉ có mê hay ngộ; mê thì tự hồ có khuyết hãm, trên thực tế không hề khuyết hãm. Chính tự mình mê, chứ đức năng vốn chẳng hề khuyết hãm, phải hiểu đạo lý này! Có vậy, quý vị mới có thể thực sự tin tưởng, trong một câu Phật hiệu này đầy đủ “*vạn đức hồng danh*”, chữ “*vạn*” này cũng không phải là con số mà là tánh đức viên mãn.

“*Kinh vân: Văn Vô Lượng Thọ Phật danh (Vô Lượng Thọ Phật tự thị A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, thử nhân đương đắc vô lượng chi phước*” (Kinh dạy: Nghe tên đức Phật Vô Lượng Thọ (Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, người ấy sẽ được vô lượng phước). Niệm một câu A Di Đà Phật có phước báo lớn ngàn ấy ư? Đúng vậy, không sai! Vậy sao tôi niệm vẫn không có phước báo gì? “*Nhất tâm*”! Quý vị không nhất tâm. Nếu quý vị nhất tâm niệm, phước báo sẽ phi phàm! Quý vị đâu có nhất tâm! Do đó, quý vị thấy: Đầy đủ vạn đức cũng là nhất tâm niệm Phật, được vô lượng phước vẫn là nhất tâm niệm Phật, nhất tâm chẳng dễ dàng! Nhất tâm là thực sự thực hiện, không hoài nghi, không gián đoạn, đó gọi là “*nhất tâm*”. Ngoài miệng Phật hiệu có gián đoạn, nhưng trong tâm không hề gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Niệm là gì? Niệm là trong tâm có, “*kim tâm*”⁵: cái tâm hiện tại, trong cái tâm hiện tại thực sự có thì gọi là Niệm Phật. Miệng niệm nhưng trong tâm không có, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì chẳng thể gọi là niệm Phật, mà thật ra là “*miệng niệm Di Đà tâm tán loạn*”, trong tâm quý vị không hề có!

Ở trên đã nói đến “*tán tâm xưng danh*”. Ngoài miệng có Phật, niệm Phật; trong tâm lúc có lúc không thì gọi là “*tán loạn*”. Có lúc nghĩ đến Phật, có lúc khởi vọng tưởng, tưởng đến những thứ khác thì gọi là “*tán tâm*”. Tâm tán loạn là gì? Ngoài miệng có Phật, trong tâm hoàn toàn khởi vọng tưởng, không có chút hiệu quả gì! Chúng tôi nói về kiến thức thực dụng trong pháp môn Niệm Phật như vậy. Tín, Nguyện, Hạnh đều thuộc trong một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu đủ cả ba điều kiện, niệm như vậy mới có thể vãng sanh. Đoạn tiếp theo nói:

“*Thiện nam nữ giả (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia, xuất gia, quý tiện lão thiếu, lục thú, tứ sanh*” (Thiện nam nữ (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu đường, bốn loài), phạm vi bao quát rất lớn. “*Lục thú*” là lục đạo, “*tứ sanh*” là nói về cách thức được sanh ra: Noãn, Thai, Thấp, Hóa, tức Noãn Sanh, Thai Sanh, Thấp Sanh, Hóa Sanh; tất cả hết thầy hữu tình chúng sanh đều gồm trong đây. “*Đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực, Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh thiện dã*” (Chỉ nghe được danh hiệu

⁵ Chữ Niệm (念) gồm hai chữ Kim (今) và Tâm (心) ghép lại.

Phật, tức là thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, dầu Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là lành cả), chẳng dễ dàng đâu! Câu này ý nói tất cả chúng sanh trong tam đồ lục đạo, đương nhiên là có chúng ta trong ấy, những kẻ được gọi là thiện nam nữ trong đó là những người đàn ông tốt lành, những người đàn bà tốt lành trong loài người, tại gia cũng được, xuất gia cũng được, giàu, nghèo, sang, hèn, nam, nữ, già, trẻ, bất luận quý vị thuộc thân phận nào, bất luận đang sống cuộc đời ra sao, thậm chí tất cả hết thảy chúng sanh trong lục đạo, chỉ cần quý vị hữu duyên nghe được danh hiệu A Di Đà Phật thì thiện căn trong nhiều kiếp của quý vị đã chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác nếu nghe được danh hiệu A Di Đà Phật thì cũng là do thiện căn chín muồi.

Thiện căn chín muồi thì trong một đời này có thể vãng sanh hay không? Không nhất định. Vì sao? Vãng sanh phải đầy đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, và nhân duyên! Chỉ có mình thiện căn mà không có phước đức thì chẳng thể vãng sanh! Thiện căn đã chín muồi, nhưng trong ấy lại có sâu đậm hay mỏng nhẹ, tức là như ở phần trên đã nói là “ít thiện căn”. Thiện căn của kẻ ấy chín muồi, nhưng ít ỏi, không nhiều, quý vị có thể tin, nhưng tin không sâu. Quý vị cũng có nguyện, nhưng không thiết tha, chưa buông hết thảy danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, nhất là người nhà quyến thuộc, thân tình trong thế gian xuống được! Hễ còn một sự chưa buông xuống được sẽ đều trở thành chướng ngại. Vì sao không buông xuống được? Vì thiện căn chưa đủ sâu, phước đức chẳng đủ dày! Vì thế, trong kinh đã nói rất khéo: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được vãng sanh cõi kia).

Duyên phải nhiều! Nhân duyên phải nhiều! Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có hai điều, một là “*thỉnh chuyển pháp luân*”, hai là “*thỉnh Phật trụ thế*”. Hai điều nguyện thứ sáu và nguyện thứ bảy là nhiều nhân duyên. Đó là lý do vì sao kinh luận thường dạy, thường nhắc nhở chúng ta phải thân cận thiện tri thức: là vì nhiều nhân duyên! Thân cận thiện tri thức thì thiện căn, phước đức, nhân duyên dầu ít ỏi cũng không sợ, vì sao? Lúc thân cận thiện tri thức, thiện căn và phước đức của mình được nâng cao. Hằng ngày quý vị được khuyên dạy, hằng ngày cùng đại chúng huân tu, tiến bộ rất nhanh. Nếu như mình có thiện căn, phước đức, nhưng không có nhân duyên thì cũng chẳng dễ thành tựu. Vì sao? Quý vị không thường nghe pháp, không có ai cùng tu với mình, sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng! Tự nhiên sẽ có bạn bè thân thiết hằng ngày bồi tiếp quý vị vui chơi, phổ biến nhất là chơi mạt-chược, khiêu vũ, thích xem tuồng, hiện thời lại còn thích đá banh, có rất nhiều cái được gọi là “hoạt động”, các cuộc họp mặt để quý vị đến tham gia. Những thứ đó hoàn toàn chẳng ăn nhập gì với thiện căn và phước đức của quý vị cả; duyên thế gian quá nồng, nhất định sẽ chướng ngại đạo, chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh trong một đời này!

Bởi thế, mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chính là trong vô lượng hạnh nguyện, chỉ nêu lên mười cương lĩnh đó thôi, “*thỉnh chuyển pháp luân*” quan trọng lắm! Thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh thiện tri thức đến giảng kinh, thuyết pháp, khiến cho mọi người giác ngộ. Thỉnh thiện tri thức ở một chỗ lâu dài thì nơi ấy có phước báo. Trong Phật pháp thường nói, chúng ta chẳng thể không tin: Thiện tri thức chân chánh, người tu hành chân chánh, người có đạo tâm trụ tại nơi nào, nơi ấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, ít tai ít nạn.

Người Trung Quốc và người Ấn Độ thời cổ đều hiểu “*thiện nhân là báu vật của đất nước*”. Thiên Thai đại sư nói hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch, Ngài chính là Trí Giả đại sư, cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản đều truyền ngôn Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Nếu lời truyền tụng ấy là đúng, thì lời của Trí Giả đại sư chính là lời của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài dạy chúng ta: “*Năng thuyết bất năng hành, quốc chi sư dã*” (Nói được nhưng không làm được là thầy cả nước), quý vị thầy đó: Ngài rất tôn trọng vị ấy! Quý vị giảng kinh điển rất thấu triệt, không giảng sai, hoàn toàn giảng được ý Phật, nhưng bản thân hoàn toàn chưa làm được, quý vị có thể chỉ dạy người khác, người khác chiếu theo lời quý vị làm sẽ được thành tựu. Đây chính là: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm). Tức là học trò theo học với một vị thầy giỏi, tuy vị thầy tốt ấy không có thành tựu lớn lao gì, học trò có thành tựu vượt trội thầy. Thầy dạy chính xác, nhưng chính bản thân thầy hoàn toàn chưa thể làm được, nhưng học trò làm được. Thầy như vậy là quốc sư đấy! Phải thỉnh vị đó chuyển pháp luân, phải thỉnh Ngài trụ thế.

Nếu “*năng thuyết hựu năng hành, quốc chi bảo dã*” (Nếu vừa có thể nói lại vừa có thể hành thì là quốc bảo), là bảo vật của đất nước! Lúc Cưu Ma La Thập đại sư còn tại thế, Ngài là quốc bảo của nước Khuru Từ (Kuche, Quy Tư, Cưu Ty) ở Tây Vực. Phù Kiên là vua nước Tần, có thế lực, nghe nói ở Tây Vực có một vị đại trí huệ như thế, bèn phái Lữ Quang suất lĩnh bảy vạn đại quân sang Khuru Từ. Phù Kiên bảo Lữ Quang: “Xuất binh lần này chẳng vì lý do nào khác, chỉ là để thỉnh Cưu Ma La Thập đại sư sang nước Tần ta. Mục đích là như vậy. Nếu họ chịu để cho đại sư đi thì lập tức lui binh, nếu họ không bằng lòng, chúng ta sẽ đánh rát, vì một người mà thôi!” Nước Khuru Từ nhỏ, chống không nổi bảy vạn quân của nước Tần, cũng hết sức phiền não. Cưu Ma La Thập đại sư khuyên quốc vương: “Trận này đánh không nổi, có đánh cũng không thể thắng, thương vong bao nhiêu người rồi rút cuộc vẫn phải để cho tôi đi”. Vua nước Khuru Từ bèn giao đại sư La Thập ra, nước Tần không đánh nữa, triệt thoái quân đội. Cưu Ma La Thập đại sư đến Trung Quốc là như vậy đó.

Người Trung Quốc biết là của báu, của báu thì người ta không chịu nhả, làm cách nào đây? Bức người ta không nhả ra cũng không được! Nhưng khi La Thập đại sư đến Trung Quốc, quý vị phải biết Ngài từ chỗ này là khu vực phía Nam rặng Thiên Sơn thuộc Tân Cương đến Trường An phải đi mất mấy tháng. Lúc trở về, Lữ Quang đi đến Lương Châu (nay là tỉnh Cam Túc), từ Trường An đưa tin tới, Phù Kiên đã mất rồi. Phù Kiên đã mất, họ Lữ không trở về Trường An nữa. Lúc ấy, đất nước của Phù Kiên phát sanh chánh biến (biến cố chánh trị): Đại tướng Diêu Trình gây chánh biến, trở thành hoàng đế, cũng đặt quốc hiệu là Tần, tức nhà Diêu Tần. Diêu Trình và Lữ Quang cùng là tướng quân, Lữ Quang không phục. Bởi thế, họ Lữ chiếm cứ vùng Lương Châu, tự xưng là Lương Vương. Cưu Ma La Thập đại sư lại ở Tây Lương mấy năm. Lữ Quang không biết dùng Ngài, cũng giống như Ngài bị giam lỏng ở nơi ấy vậy. Họ Lữ biết Ngài rất tài hoa, rất thông minh, cũng chẳng thả cho Ngài trở về [nước Khuru Từ], mà cũng chẳng giao Ngài qua nước Tần.

Đến khi Diêu Trình chết, Lữ Quang cũng chết, đến đời sau, lúc Diêu Hưng tức vị, mới thỉnh đại sư La Thập đến Trường An, lúc đó Ngài đã già. Vì thế, đại sư La Thập chỉ theo đuổi việc dịch kinh ở Trung Quốc được bảy năm bèn viên tịch, nhưng

ảnh hưởng của bảy năm ấy thật phi phàm! Từ chỗ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội: Thiện căn đúng là có, dù có, nhưng nhiều hay ít khác nhau. Phù Kiên và Diêu Trành thiện căn không nhiều, đến đời con kế thừa ngôi vua, Diêu Hưng khá lắm. Ông ta thực sự là người hữu tâm. Lúc ấy, đất nước của họ Diêu rất cường thịnh, Lữ Quang đã chết, cháu là Lữ Long kế vị, sức nước nhà suy nhược, địch không lại nước Tần. Bởi thế, phải giao đại sư La Thập ra, đưa đến Trường An. Quý vị thấy những người đó trong thuở ấy đều là có thiện căn, nhưng nhiều hay ít khác nhau, phước đức lớn hay nhỏ cũng sai khác.

Trong mấy năm ngài La Thập dịch kinh, họ Diêu ở phương Bắc hưng vượng nhất. Ngài thực sự có trí huệ, không những có tu hành, mà còn là một vị cao tăng đắc đạo, đúng là quốc bảo, chúng ta phải hiểu điều này! Nếu chúng ta có duyên phận gặp gỡ [một vị như thế], nhất định phải biết “*thỉnh Phật trụ thế*”. Dầu Ngài chẳng phải là Phật, chỉ là thiện tri thức, chúng ta cũng phải thỉnh Ngài sống lâu nơi đây, đến dựng đạo tràng, trường kỳ giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh.

Trong quá khứ, chúng tôi sống ở Đài Loan, cụ Lý Bình Nam hiện thân cư sĩ; người Đài Trung có thiện căn, có phước đức, nên lão nhân gia trụ tại Đài Trung. Ngài giáo hóa rất nhiều năm dường ấy, các địa phương thuộc Nam Bắc Đài Loan đều biết đến Ngài, cũng đều muốn thỉnh Ngài, Ngài không đi, cứ ở Đài Trung. Dùng phương pháp gì để lưu lại được? Không có gì khác cả! Ngài không cần danh, cũng không màng lợi, bởi thế, cái lưu giữ Ngài không phải là danh lợi, mà là gì? Hiếu học! Người Đài Trung thân cận Ngài, thực sự học tập theo Ngài. Người hiếu học nhiều như thế, Ngài không thể đi được!

Tuyệt đối chẳng vì lợi dưỡng! Nếu vì lợi dưỡng thì khắp Nam Bắc như Đài Bắc, Cao Hùng, Đài Nam, chắc chắn đời sống vật chất khá hơn ở Đài Trung gấp bội, chắc chắn là như vậy! Nhưng trong những đô thị ấy, tâm tình học tập không được như thế. Kinh Phật thường nói: “*Phú quý tu đạo khó*”. Điều kiện sinh hoạt vật chất nơi đô hội cao, mọi người đều tranh danh đoạt lợi, đều hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Dù có muốn học Phật thì ý nguyện và đạo tâm học Phật vẫn chẳng bằng người nơi nghèo khổ, lạc hậu. Vì thế, thiện tri thức chẳng nói “quý vị tiếp đãi tôi tốt đẹp như thế nào”! Không phải vậy! Có bao nhiêu người thực sự học, thực sự thực hành, mới thực sự giữ Ngài lại được. Thỉnh Phật trụ thế không phải là ta đãi ngộ tốt đẹp như thế nào, không phải vậy! Thực sự chịu học, Ngài bèn đến; thực sự chịu học, người khác muốn thỉnh cũng không được. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! Gặp được một vị chân thiện tri thức, làm sao giữ được Ngài, tuyệt đối không phải là điều kiện vật chất! Các Ngài coi nhẹ những thứ ấy, mà [quan trọng] là có người thực sự học theo Ngài hay không!

Người thực sự học không cần nhiều, từ ba đến năm người, tám người, mười người là quý lắm rồi. Ở chỗ ấy, Ngài có thể truyền thọ đạo nghiệp, người thế gian chúng ta gọi [chuyện này] là “*huong hỏa đại đại tương truyền*” (huong hỏa lưu truyền đời đời), phải như vậy đó! Dầu chỉ có một người, Ngài cũng không thể vứt bỏ; trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Người ấy đâu phải người học Phật tầm thường, người học Phật tầm thường chẳng thể thành tựu. Người ấy là ai? Là một người có thể thực sự thành tựu, người như vậy không thể bỏ được! Người ấy có thể truyền pháp! Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc gặp Huệ Khả, một người thôi, chỉ một người là được rồi! Ngài truyền được pháp, truyền đến đời thứ sáu là Huệ Năng đại

su, duyên chín muồi, xiển dương rộng lớn! Xiển dương rộng lớn, phổ độ chúng sanh không nhất định nằm trong tay mình, bản thân không có duyên phận, không có duyên phận là do phước đức không nhiều. Giáo hóa chúng sanh phải có phước đức. Phước đức, nhân duyên đầy nhé!

Bởi thế, chúng ta phải biết đạo lý này, biết vô lượng vô biên phước báo ấy. Do quý vị thỉnh chuyên pháp luân, quý vị phải biết vị pháp sư, đại đức, thiện tri thức ấy giảng một bộ kinh ở đây, chẳng nề hà thời gian dài hay ngắn, hễ duyên chín muồi, người ta nghe kinh khai ngộ, giác ngộ, minh bạch. Duyên chưa chín muồi, thiện căn chưa chín muồi thì cũng đã gieo thiện căn, bao nhiêu người được lợi ích! Được lợi ích như thế nào? Quý vị thỉnh vị thiện tri thức ấy đến giảng kinh, quý vị đã gieo phước đức rất lớn. Ngoài trừ những người ấy ra, con mắt thịt của chúng ta chẳng thấy quý thần cũng được lợi ích càng nhiều hơn nữa, chúng ta mắt thịt không thể thấy được! Chúng sanh trong chín pháp giới đều được lợi ích. Quý vị thấy như trong phần trên đã nói là “lục thú, tứ sanh”, có bỏ công không chú?

Nếu nói lưu thiện tri thức ở lại một chỗ nào, thì ở chỗ ấy thực sự phải có mấy người thực sự học theo Ngài, chẳng phải miệng nói xuông đâu! Thực sự là ở nơi đó có mấy người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, thực sự có thể y giáo phụng hành. Không nghi hoặc, nghe có thể hiểu được, có thể lý giải, thực sự thực hành, nếu quý vị thỉnh vị thiện tri thức ở lâu tại nơi đó sẽ không có vấn đề gì, Ngài nhất định đáp ứng. Chẳng phải chỉ nhằm thành tựu mấy người đó, mục đích không phải chỉ có vậy, mà nhằm thành tựu mục đích khiến cho đại pháp được tồn tại lâu dài trong thế gian. Đại pháp muốn tồn tại lâu dài trong thế gian phải có truyền nhân, ở nơi này quả thật có người truyền pháp, trong tương lai Ngài ra đi, sau này có người thay thế. Quả thật có một người thì Ngài chẳng buông bỏ; nhất định Ngài có duyên với nơi này. Thỏa điều kiện ấy, Ngài rất vui thích ở lại đây. Nếu quả thật nhận thấy có người như vậy, dù nơi ấy thiếu điều kiện, ngoại duyên bất hảo, Ngài vẫn khuyên người như vậy đến học tập với Ngài, ta thường gọi là “*niếp thọ chúng sanh*”, Ngài chẳng vứt bỏ.

Đương nhiên, nhân tố trọng yếu nhất ở đây chính là thầy trò cũng phải có duyên phận, không có duyên không được! Thầy và trò có duyên, học trò và thầy có duyên thì mới có thành tựu. Nếu thầy là vị thầy tốt, học trò cũng là học trò tốt, nhưng không duyên, miễn cưỡng cũng không được. Chuyện ấy chỉ có thể gặp gỡ, chứ không thể cầu, quả thật chẳng dễ đâu! Học trò mong tìm được một vị thầy giỏi khó lắm! Vị thầy giỏi muốn tìm được một đứa học trò để có thể truyền đạo nghiệp của chính mình càng khó hơn nữa, tìm ở chỗ nào? Trong Phật pháp thường gọi điều này là “duyên phận”. Không có duyên phận, lắm vị thiện tri thức sau khi vãng sanh, đạo nghiệp bị thất truyền, không có ai truyền hết! Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, làm cách nào đây? Trước kia, các vị bèn viết sách. Ta không có học trò để truyền cái pháp của ta thì ta soạn sách lập thuyết, hy vọng dùng sách vở truyền lại, truyền cho người đời sau hữu duyên. Sau này kẻ có duyên đọc được trước tác của vị ấy,

khai ngộ, thậm chí chứng quả, dùng phương pháp ấy.

Trong Nho Gia, Mạnh Tử được truyền pháp của Khổng Tử cũng theo phương pháp ấy. Trong thời Mạnh Tử, Khổng Tử đã qua đời rồi, Mạnh Tử tìm được trước

tác của Khổng Tử, làm “*tu thực đệ tử*”⁶ của Khổng Tử, hoàn toàn y giáo phụng hành. Ngài thực sự học thành công, trở thành truyền nhân của Khổng Tử. Khổng Tử và Mạnh Tử chưa hề gặp nhau. Trong nhà Phật chúng ta, thí dụ rõ ràng nhất là Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư ra đời sớm hơn, khi ngài Ngẫu Ích quy y học Phật, Liên Trì đại sư đã vãng sanh. Ngài Ngẫu Ích đọc trước tác của Liên Trì đại sư. Hiện nay, trước tác của Liên Trì đại sư ở chỗ chúng ta cũng có. Liên Trì Đại Sư Toàn Tập hiện tại gồm bốn cuốn, đóng bìa cứng. Ngài học theo Liên Trì đại sư, thực sự học thành công, trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh Độ Tông, là tu thực đệ tử của ngài Liên Trì. Cổ nhân dùng phương pháp ấy!

Hiện tại, khoa học phát đạt, thuận tiện hơn trước kia nhiều lắm, hiện tại làm cách nào? Không có truyền nhân thì có thể thâm hình, có thể thâm âm, dùng băng thâm âm, thâm hình để lưu truyền hòng đợi hậu nhân. Sau này người có duyên xem đến, học tập từ đây thì cũng có thể thành tựu. Trước kia chỉ nhờ vào sách, tức văn tự. Nay có những máy móc ấy, tiện hơn nhiều lắm. Bởi thế, hiện tại khoa học tiến rất xa, trước kia không có cách gì! Khoa học tiến triển tạo thuận lợi cho con người hiện tại, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,
Phần 8 hết

⁶ Tu thực: Ở đây, chữ Thực (淑) thuộc bộ Thủy, khác với chữ Thực (塾) bộ Thổ (chữ Tư Thực với bộ Thổ có nghĩa là trường tư), từ điển Từ Hải giảng: “*Vị thân thọ nghiệp nhi tư tâm cảnh ngưỡng hiệu pháp đích ý tư*” (có nghĩa là: Chưa đích thân theo học với thầy, tự ý kính ngưỡng, học theo). Gọi là “*tu thực đệ tử*” vì Mạnh Tử ra đời, Khổng Tử đã mất, không thể đích thân học với Khổng Tử, nhưng thầy Mạnh hâm mộ giáo pháp của Khổng Tử nên học theo và xiển dương rực rỡ giáo thuyết của Khổng Tử, nên Nho Gia tôn xưng Mạnh Tử là Á Thánh.